



ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN  
VNUHCM-University of Social Sciences and Humanities



NHIỀU TÁC GIẢ

NHIỀU TÁC GIẢ

VIỆT NAM  
TRONG THẾ GIỚI ĐƯƠNG ĐẠI:  
BIẾN ĐỔI VÀ THÍCH ỨNG

KỶ YẾU TÓM TẮT HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ  
VIỆT NAM HỌC LẦN 6-2022

VIỆT NAM TRONG THẾ GIỚI ĐƯƠNG ĐẠI:  
BIẾN ĐỔI VÀ THÍCH ỨNG  
KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ VIỆT NAM HỌC LẦN 6 - 2022

ĐẠI HỌC QUỐC GIA  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



VIỆT NAM  
TRONG THẾ GIỚI ĐƯƠNG ĐẠI:  
BIẾN ĐỔI VÀ THÍCH ỨNG

KỶ YẾU TÓM TẮT HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ  
VIỆT NAM HỌC LẦN 6-2022



NHÀ XUẤT BẢN  
ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH - 2023

# MỤC LỤC

---

		Trang
<b>Tiểu ban 1: Văn hóa</b>		
1	Biến đổi văn hóa sinh kế của cư dân làng cổ Đường Lâm, Hà Nội trước tác động của du lịch TS. Nguyễn Thị Phương Anh <i>Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt, Trường Đại học KHXH&amp;NV - ĐHQG Hà Nội</i>	11
2	Hệ giá trị của thế hệ Z Việt Nam đương đại TS. Nguyễn Tuấn Anh <i>Viện Nghiên cứu Thanh niên</i>	12
3	Sự phát triển của Đạo Minh Sư tại Việt Nam vào thế kỷ XX qua hành trạng của một số nhân vật trong Tông Đức Tế GS. Chung Yun-Ying & HVCH. Huỳnh Hoàng Nam <i>Khoa Ngữ văn Trung Quốc, Trường ĐH Nguyên Trí, Đài Loan</i>	13
4	Changes in the traditional culture of ethnic minorities in the Central Highlands in the urbanization process (a case study for the Bahnar in Kon Tum province) NCS. Đỗ Thị Cường <i>Khoa Triết học, Trường ĐH KHXH&amp;NV, ĐHQG-HCM</i>	14
5	Sống xanh nhìn từ bối cảnh Việt Nam Nguyễn Thị Phương Duyên <i>Công ty CP Figment Collective</i>	15
6	Một số đặc điểm của kịch nói nhìn từ bối cảnh văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh NCS. Ngô Anh Đào <i>Khoa Văn hóa học, Trường ĐH KHXH&amp;NV, ĐHQG-HCM</i>	16

- 7 Hoà nhập văn hoá giữa hai nhóm cộng đồng người Việt: cô cữu và di dân ở Tây Nam Bộ (nghiên cứu trường hợp các hộ dân ở xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau) 17  
NCS. Trương Thị Lam Hà  
*Khoa Văn hóa học,  
Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM*
- 8 Hâm mộ thần tượng – Một phương thức kiến tạo bản sắc của giới trẻ Việt Nam hiện nay 18  
TS. Đinh Việt Hà  
*Viện Nghiên cứu Văn hóa,  
Viện Hàn Lâm KHXH Việt Nam*
- 9 Năng lực giao tiếp liên văn hóa của sinh viên quốc tế ngành Việt Nam học – một nghiên cứu trường hợp 20  
TS. Trần Thị Thanh Trúc  
*Khoa Ngữ văn Nga,  
Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQGHCM*  
NCS. Lê Thị Đức Hải  
*Khoa Văn hóa học,  
Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQGHCM*
- 10 Vốn văn hóa và vận dụng vốn văn hóa vào phát triển kinh tế thị trường vùng dân tộc thiểu số 21  
NCS. Bùi Minh Hòa  
*Khoa Nhân học,  
Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội*
- 11 Biến đổi văn hóa Việt Nam từ đổi mới 1986 đến nay 22  
PGS.TS. Nguyễn Đức Hòa  
*Khoa Sư phạm KHXH, Trường ĐH Sài Gòn*  
NCS. Trần Ngọc Anh  
*Trường Đại học Luật TP.HCM*
- 12 Thiết chế văn hóa và chính sách xây dựng Nhà văn hóa tại Việt Nam 23  
TS. Trần Ngọc Khánh  
*Trường ĐH Bình Dương*

13	Nhận diện “truyền thống” dưới quan điểm Hobsawm và Kiến tạo ở Việt Nam	25
	NCS. Trịnh Ngọc Linh <i>Khoa Văn hóa học,          Trường ĐHKHXH&amp;NV, ĐHQG-HCM</i>	
14	Sự tương hợp của tính cộng đồng và chủ nghĩa tập thể ở Việt Nam trong đại dịch Covid 19	26
	TS. Trương Văn Minh <i>Khoa Văn hóa học,          Trường ĐH KHXH&amp;NV, ĐHQG-HCM</i>	
15	Chính sách văn hoá đối ngoại và những tác động tới hoạt động quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới	28
	NCS. Vũ Thị Việt Nga <i>Viện Văn hoá Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam</i>	
16	From Hanfu movement to Việt phục trend - An initial comparison	29
	M.A., PhD. student Nguyễn Tuấn Nghĩa <i>National Cheng Kung University, Taiwan</i>	
17	Sự biến đổi của tín ngưỡng thờ các nữ tướng thời Hai Bà Trưng trong giai đoạn hiện nay	30
	PGS.TS. Phạm Lan Oanh <i>Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam,          Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</i>	
18	Luật tục và tri thức bản địa của người Tà Ôi trong canh tác nương rẫy	31
	NNC. Trần Nguyễn Khánh Phong <i>Hội Khoa học lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế</i>	
19	Nghi lễ lên đồng trong tín ngưỡng thờ mẫu tứ phủ ở Huế - những biến đổi và giải pháp bảo tồn	32
	ThS. Nguyễn Hữu Phúc <i>Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế</i>	
20	Nghi lễ Ramawan – Kết quả của quá trình tiếp biến văn hoá của cộng đồng Chăm Awal ở Việt Nam	33
	ThS. Đạo Thanh Quyên <i>Phân Viện Văn hoá Nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại          TP.Hồ Chí Minh</i>	

- 21 On the two early Du'āh (Pō Klaong Barau and Pō Haniim Per) brought Islam to Pāṇḍuraṅga (Vietnam) and Cambodia in the XV century 34  
 PhD. Shine Toshihiko  
*Asian Cultures Research Institute,  
 Tokyo University, Tokyo, Japan*  
 Assoc. Prof. PhD. Sakaya Trương Văn Món  
*Faculty of Anthropology, USSH, VNU-HCM*
- 22 Xây dựng môi trường văn hóa nông thôn mới ở Việt Nam: từ nhận thức lý luận đến giải pháp thực tiễn 35  
 PGS.TS. Huỳnh Quốc Thắng  
*Khoa Văn hóa học,  
 Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM*
- 23 Kết quả thi PISA và hiện trạng của giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa hội nhập và phát triển dưới góc nhìn văn hóa 36  
 GS. TSKH. Trần Ngọc Thêm  
*Khoa Văn hóa học,  
 Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM*
- 24 Ký ức tập thể và sự đứt gãy văn hóa: tục thờ và lễ hội Bà Đen truyền thống ở Tây Ninh trong giai đoạn hiện nay 37  
 PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thơ  
*Khoa Văn hóa học,  
 Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM*
- 25 Di sản văn hóa trong đời sống đương đại: đấu tranh và thỏa hiệp trong tục thờ và lễ hội Thiên Hậu đầu Xuân ở thành phố mới Bình Dương 38  
 PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thơ & ThS. Huỳnh Hoàng Ba  
*Khoa Văn hóa học,  
 Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM*
- 26 Du lịch nông thôn – Xu hướng du lịch sau đại dịch Covid 19 (Nghiên cứu trường hợp: du lịch nông thôn tại Đà Lạt – Lâm Đồng) 39  
 ThS. Nguyễn Đình Toàn  
*Khoa Du lịch,  
 Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM*

- 27 Bước đầu nghiên cứu về võ thuật Việt Nam - một bản sắc văn hóa bị lãng quên 40

TS. Hồ Văn Tường  
*Trường ĐH Bình Dương*

**Tiểu ban 2: Văn học – Nghệ thuật**

- 28 Hiện tình Việt Nam học tại Hoa Kỳ 41

GS. Bùi Chúc Quyên Di  
*Department of Asian Languages and Cultures,  
University of California – Los Angeles (UCLA)*

- 29 Sự diễn giải chiến tranh Việt Nam trong văn học hương thỏ Đài Loan (Trường hợp Hoa hồng tháng Sáu của Chen Ying-zhen và Góa phụ trẻ của Huang Chun-ming) 42

GS.TS. Phan Thị Thu Hiền  
*Khoa Hàn Quốc học,  
Trường ĐHKHXH&NV – ĐHQG TP HCM*

- 30 Một số vấn đề cơ bản về lý thuyết và phương pháp nghiên cứu Việt Nam học 44

TS. Hồ Việt Hoàng  
*Khoa Việt Nam học, Trường ĐH Ngoại ngữ, Đại học Huế*  
Trần Mai Phượng  
*Khoa Lịch sử, Trường ĐH Khoa học, Đại học Huế*

- 31 Trịnh Công Sơn và các ca khúc phản chiến trước 1975 (Nhìn từ diễn ngôn về thân phận con người trong chiến tranh) 45

TS. Nguyễn Thị Quốc Minh  
*Khoa Văn học,  
Trường ĐHKHXH&NV – ĐHQG TP HCM*

- 32 Di sản tư liệu của Việt Nam trong vấn đề hội nhập - Trường hợp ở làng Trường Lưu, Hà Tĩnh 47

GS. TSKH. Nguyễn Huy Mỹ  
*Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam,  
Viện Hàn lâm Khoa học Nga*

- 33 Maya Kashel – Dịch giả văn học Việt Nam ở Ukraina 49  
PGS. TS. Trần Thị Phương Phương  
*Khoa Văn học,  
Trường ĐHKHXH&NV – ĐHQG TP HCM*
- 34 Những chặng đường phát triển của kịch bản tuồng Nam Bộ 51  
ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang  
*Khoa Việt Nam học,  
Trường ĐHKHXH&NV – ĐHQG TP HCM*
- 35 Xung đột đời sống gia đình và học đường trong văn xuôi viết 52  
cho thiếu nhi thời Đổi mới  
ThS. Lê Minh Tú  
*Trường THPT Trần Khai Nguyên*
- 36 Tản Đà và quan niệm dân tộc trong sinh quyền văn hóa – văn 53  
học nửa đầu thế kỷ XX  
PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn  
*Viện Văn học,  
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*

**Tiểu ban 3: Lịch sử – Xã hội**

- 37 Những bước chuyển về tư duy - chính sách - đời sống kinh 55  
tế ở Việt Nam thời kỳ đổi mới (1986-2022): thực trạng và  
giải pháp  
TS. Phạm Thị Lương Diệu  
*Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG Hà Nội*  
TS. Phạm Nguyên Phương  
*Trường ĐHBách khoa Hà Nội*
- 38 Sứ mệnh giáo dục của Đạo Công Giáo Việt trong lịch sử 56  
đương đại Việt Nam Cộng Hòa (1956-1975)  
TS. Marie Lê Thị Hoa  
*Viện Nghiên cứu Đông Á của Pháp-  
L'Institut français de recherche sur l'Asie de l'Est,  
Université Paris et Innalco, CNRS.*

- 39 Việt Nam trong chính sách “Hương Nam mới” của Hàn Quốc dưới thời tổng thống Moon Jae-In (2017 - 2022) 57  
 HVCH. Lê Trần Quang Khang  
*Khoa Lịch sử,  
 Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM*
- 40 Vai trò của người Campuchia gốc Việt Nam trong việc thúc đẩy và phát triển quan hệ hợp tác giữa hai quốc gia láng giềng Campuchia-Việt Nam 58  
 NCS. Uch Leang  
*Vụ Nghiên Cứu Á-Phi và Trung Đông,  
 Viện Quan hệ Quốc tế,  
 Viện Hàn Lâm Hoàng gia Campuchia*
- 41 Triết lý “thực học thực nghiệp” của Đông Kinh Nghĩa Thục và những bài học kinh nghiệm cho giáo dục Việt Nam hiện nay 60  
 ThS. Trần Thị Ngọc Mai  
*Khoa Việt Nam học,  
 Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM*
- 42 Tác động của lao động di cư đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh 61  
 TS. Đỗ Cao Phúc  
*Khoa Sư phạm Khoa học xã hội,  
 Trường ĐH Sài Gòn*
- 43 Phân tích hàm nghĩa kinh tế – chính trị – xã hội của thành ngữ “Buôn lớn hùn to” trên báo Nông Cổ Mín Đàm 62  
 TS. Huỳnh Vĩnh Phúc  
*Viện KHXH vùng Nam Bộ*  
 TS. Nguyễn Thị Kim Phượng  
*Khoa Việt Nam học,  
 Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM*
- 44 The draft of the Constitution of Imperial Vietnam prepared on April 1945 64  
 PhD. Student Teshigawara Akira  
*Graduate School of Global Studies, Doctoral Program,  
 Tokyo University of Foreign Studies*

- 45 Vị trí và vai trò của Sài Gòn - Gia Định trong quá trình phát triển chữ quốc ngữ ở Việt Nam 65

TS. Huỳnh Đức Thiện  
*Khoa Việt Nam học,  
Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM*

**Tiểu ban 4: Việt ngữ học và Phương pháp giảng dạy tiếng Việt**

- 46 Giáo dục ngôn ngữ trực tuyến thử thách và cơ hội 66

TS. Nguyễn Hoài Thu Ba  
*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa châu Á,  
Trường ĐH California – Los Angeles*  
GS.TS. Lê Lưu Oanh  
*Trường ĐH Sư Phạm Hà Nội*

- 47 Thảo luận thêm về vai trò của yếu tố chỉ lượng trong danh ngữ 67

TS. Nguyễn Văn Phở  
*Khoa Việt Nam học,  
Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM*

- 48 Dạy nghe hiểu tiếng Việt theo quan điểm tương tác 68

TS. Nguyễn Hoàng Phương & TS. Trần Trọng Nghĩa  
*Khoa Việt Nam học,  
Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM*

- 49 Hệ thống từ vựng Hán Hàn (Hanja 한자) và khả năng ứng dụng vào việc giảng dạy tiếng Việt cho học viên Hàn Quốc 70

TS. Nguyễn Phương Thảo  
*Viện Văn học,  
Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam*

- 50 Không gian tâm trí và ứng dụng trong phân tích ẩn dụ văn chương tiếng Việt (trường hợp tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư) 71

ThS. Trần Thị Minh Thu  
*Khoa Ngôn ngữ học,  
Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM*

51	Dụng học và giảng dạy ngoại ngữ TS. Nguyễn Hoàng Trung <i>Khoa Ngôn ngữ học,          Trường ĐH KHXH&amp;NV, ĐHQG-HCM</i>	72
52	Metaphonymy in the conceptual domain of utensils NCS. Nguyễn Đình Việt <i>Trường THCS Vinschool - KĐT Vinhomes Golden River</i> TS. Huỳnh Thị Hồng Hạnh <i>Khoa Ngôn ngữ học,          Trường ĐH KHXH&amp;NV, ĐHQG-HCM</i>	73
53	Biến đổi xã hội-Biến đổi ngôn ngữ PGS.TS. Trương Văn Vỹ <i>Trường ĐH KHXH&amp;NV, ĐHQG-HCM</i>	74
54	Đặc trưng ngữ âm tiếng Ba Na ở Gia Lai và ứng dụng xây dựng bộ dữ liệu tổng hợp lời nói ThS. Nguyễn Trần Quý, TS. Nguyễn Huỳnh Lâm <i>Khoa Việt Nam học,          Trường ĐH KHXH&amp;NV, ĐHQG-HCM</i> TS. Đinh Lư Giang <i>Bộ môn Ngữ Văn Tây Ban Nha,          Trường ĐH KHXH&amp;NV, ĐHQG-HCM</i> PGS.TS. Quản Thành Thơ <i>Khoa Khoa học máy tính,          Trường ĐH Bách Khoa, ĐHQG-HCM</i>	75
55	Combination of experimental phonetics and artificial intelligence in teaching Vietnamese pronunciation Dinh Lu Giang, PhD. <i>University of Social Sciences and Humanities,          Vietnam National University Ho Chi Minh City</i>	77

**TIỂU BAN 1: VĂN HÓA**

**BIẾN ĐỔI VĂN HÓA SINH KẾ CỦA CƯ DÂN LÀNG CỔ ĐƯỜNG LÂM,  
HÀ NỘI TRƯỚC TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH**

**TS. Nguyễn Thị Phương Anh**

Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt, Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQG Hà Nội

[phuonganhvnh@gmail.com](mailto:phuonganhvnh@gmail.com)

**Tóm tắt**

Quá trình phát triển du lịch ở làng cổ Đường Lâm đã tạo ra không ít những tác động tới cuộc sống của người dân. Một trong những tác động rõ nhất là sự thay đổi các nguồn lực sinh kế và hoạt động sinh kế truyền thống cùng với những giá trị văn hóa gắn liền với các hoạt động sinh kế đó. Trước đây, người dân Đường Lâm chỉ quen với hoạt động trồng trọt, chăn nuôi và làm một số nghề thủ công. Năm 2005 Đường Lâm là “Làng Việt cổ đầu tiên ở Miền Bắc Việt Nam” được xếp hạng di tích quốc gia. Cùng với quá trình đô thị hóa, làng cổ Đường Lâm đang nằm trong dòng chảy phát triển kinh tế với sự xuất hiện và phát triển của du lịch. Với vai trò thực tế của du lịch và mối quan tâm của cá nhân, bài viết tập trung vào nghiên cứu những biến đổi văn hóa sinh kế của cư dân làng cổ Đường Lâm trước tác động của du lịch.

*Từ khóa: biến đổi sinh kế, văn hóa, du lịch, Đường Lâm, phát triển bền vững*

**Abstract**

The process of tourism development in Duong Lam ancient village has created many impacts on people's lives. One of the most obvious impacts is the change in livelihood resources and traditional livelihood activities along with the cultural values associated with those livelihood activities. Previously, Duong Lam people were only used to farming, raising livestock and doing some handicrafts. In 2005, Duong Lam has been recognized as "the first ancient Vietnamese village in the North of Vietnam" and classified as a national monument. Along with the process of urbanization, Duong Lam ancient village is in the flow of economic development with the appearance and development of tourism. With the actual role of tourism and personal interests, the article focuses on studying the cultural changes in the livelihoods of the inhabitants of Duong Lam ancient village before the impact of tourism.

*Keywords: livelihood change, culture, tourism, Duong Lam, sustainable development*

**HỆ GIÁ TRỊ CỦA THẾ HỆ Z VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI**

**TS. Nguyễn Tuấn Anh**

Viện Nghiên cứu Thanh niên

[tuananhtwd@gmail.com](mailto:tuananhtwd@gmail.com)

**Tóm tắt**

Hệ giá trị của gen Z Việt Nam đương đại là hệ thống những quan niệm về tầm quan trọng của các giá trị (mà những giá trị này là những giá trị cơ bản của con người, có vai trò thúc đẩy, hướng dẫn cho thái độ và hành vi của gen Z trong cuộc sống. Nghiên cứu này được thực hiện trên một mẫu gồm 1.400 thanh niên thế hệ Z (tuổi trung bình 21,9; độ lệch chuẩn 4,1 tuổi) hiện đang học tập, sinh sống, làm việc tại các tỉnh thành: Hà Nội, Bắc Giang, Gia Lai, Thừa Thiên – Huế và Trà Vinh. Bằng việc sử dụng công cụ đo lường là Bảng khảo sát giá trị cơ bản của con người do Schwartz xây dựng và đề xuất (1992), kết quả nghiên cứu cho thấy, những giá trị mà thế hệ Z coi là quan trọng và có ý nghĩa nhất đối với cuộc sống của họ (sắp xếp theo thứ tự giảm dần về mức độ quan trọng) gồm: An toàn; Sự phù hợp, đúng mực; Lòng nhân từ; Truyền thống; Phổ quát. Xét theo giới tính, nam giới Gen Z coi trọng các giá trị Quyền lực; Tự định hướng hơn nữ giới; trong khi đó nữ giới Gen Z lại đề cao các giá trị Truyền thống; Sự phù hợp, đúng mực; An toàn hơn nam giới. Những kết quả của nghiên cứu này phản ánh hệ giá trị cơ bản của thanh niên thế hệ Z hiện nay; đồng thời, là căn cứ khoa học gợi ý cho việc định hướng, giáo dục giá trị cho thanh niên thế hệ Z phù hợp với tình hình mới và bối cảnh hội nhập ở nước ta hiện nay.

*Từ khóa: Hệ giá trị, thế hệ Z, Việt Nam đương đại, Lý thuyết Giá trị của Schwartz*

**SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẠO MINH SƯ TẠI VIỆT NAM THẾ KỶ XX QUA  
HÀNH TRẠNG CỦA MỘT SỐ NHÂN VẬT TRONG TÔNG ĐỨC TẾ**

**GS. Chung Yun-Ying**

Khoa Ngữ văn Trung Quốc, Trường ĐH Nguyên Trí, Đài Loan

[yun-ying@saturn.yzu.edu.tw](mailto:yun-ying@saturn.yzu.edu.tw)

**HVCH. Huỳnh Hoàng Nam**

Khoa Ngữ văn Trung Quốc, Trường ĐH Nguyên Trí, Đài Loan

**Tóm tắt**

Năm 1863, Trương Đông Sơ, tu sĩ Tiên Thiên Đạo, truyền bá đạo này đến Việt Nam, lấy Minh Sư Đạo làm tên gọi. Thời gian đầu, Trương Đông Sơ xây dựng Chiếu Minh Phật Đường tại Cầu Kho, Chợ Lớn (nay là Tp. Hồ Chí Minh), nơi có nhiều người Hoa sinh sống, sau đó tiếp tục đến Thái Lan hành đạo; Về sau, khi trên đường trở về từ Thái Lan, tu sĩ này tiếp tục xây dựng Quảng Tế Phật đường tại Hà Tiên. Do Chiếu Minh Phật Đường hiện đã không còn vì bom đạn chiến tranh, nên tín đồ Minh Sư Đạo xem Quảng Tế Phật Đường là Phật đường đầu tiên do Trương Đông Sơ xây dựng tại Việt Nam. Trong quá trình hình thành và phát triển tại Việt Nam, Tiên Thiên đạo, phái Đông Sơ hoạt động rất tích cực nên ngày càng lớn mạnh, sức ảnh hưởng cũng vì thế mà lan tỏa đến các giáo phái dân gian tại Nam Bộ: từ cách thức bài trí Phật đường, nghi thức hành lễ, đối tượng thờ cúng cho đến lý niệm tu hành.

Bài viết dựa trên nghiên cứu điền dã của tác giả và những tư liệu thu thập được tại Nam Nhã Đường, Cần Thơ, nơi lưu giữ nhiều nhất tư liệu về Minh Sư Đạo giai đoạn trước, nghiên cứu về sự phát triển của tông Đức Tế, đạo Minh Sư. Nội dung bài biết chia làm ba phần: tại Trung Bộ nghiên cứu về sự truyền bá và phát triển đạo Minh Sư của các tu sĩ người Hoa là Trương Đạo Tân và Lưu Đạo Nguyên, tại Nam Bộ nghiên cứu về hệ thống Đức Tế Phật Đường do tu sĩ người Việt là Nguyễn Giác Nguyên (đạo hiệu: Đạo Cơ, 1851-1917) sáng lập, sau cùng phân tích về sự cải cách và phát triển đạo Minh Sư thời cận đại của Tổ sư đời thứ 9, Vương Đạo Thâm (?-1976).

*Từ khóa: Việt Nam, Minh Sư Đạo, Nguyễn Giác Nguyên, Vương Đạo Thâm*

**CHANGES IN THE TRADITIONAL CULTURE OF ETHNIC MINORITIES  
IN THE CENTRAL HIGHLANDS IN THE URBANIZATION PROCESS (A  
CASE STUDY FOR THE BAHNAR IN KON TUM PROVINCE)**

**NCS. Đỗ Thị Cường**

Khoa Triết học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[docuonghcm@gmail.com](mailto:docuonghcm@gmail.com)

**Abstract**

The rapid urbanization process has had a strong impact on the traditional culture of the Bahnar in Kon Tum Province. In addition to the positive and progressive aspects, these changes lead to negative and degenerative ones, notably the risk of faded, oblivious, and distorted traditional cultural identity. This requires proper research and evaluation to find the basic direction and system of solutions to preserve and promote the current Bahnar traditional culture. In the study, analytical and synthetic, deductive and inductive, logical and historical, and systems and structural methods were used. Information from the field survey was collected using quantitative questionnaires and in-depth interviews in Kon Tum Province (including 528 sheets in three locations: Kon Tum City, Dak Ha District, and Kon Ray District – where the majority of the Bahnar reside in Kon Tum Province) (Department of Ethnic Affairs of Kon Tum, 2019).

*Keywords: urbanization; traditional culture; cultural changes; the Bahnar*

**SỐNG XANH NHÌN TỪ BỐI CẢNH VIỆT NAM**

**Nguyễn Thị Phương Duyên**

Công ty CP Figment Collective

[duyenphuong.nguyen@gmail.com](mailto:duyenphuong.nguyen@gmail.com)

**Tóm tắt**

Bài viết này cung cấp một góc nhìn khái quát về quan điểm “sống xanh”, xem xét biểu hiện của lối sống này trong văn hóa Việt Nam xưa và nay, mở rộng ra ở một số nền văn hóa khác, từ đó nêu lên một số kiểu ứng xử cần thiết cho xu hướng sống xanh hiện nay. Đề tài vận dụng phương pháp hệ thống - cấu trúc để hệ thống hóa các nguồn tri thức liên ngành, bám sát các lý thuyết văn hóa về mối quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên để xem xét, lý giải vấn đề. Kết quả nghiên cứu cho thấy càng ngày lối sống của các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng càng rơi vào tình trạng mất cân bằng với môi trường sinh thái, nguy cơ tiến gần đến sự phát triển không bền vững. Đề tài đóng góp một số đề xuất cụ thể trong hành vi ứng xử của lối sống cân bằng sinh thái.

*Từ khóa: sống xanh, lối sống bền vững, bối cảnh Việt Nam, cân bằng sinh thái*

**MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA KỊCH NÓI NHÌN TỪ BỐI CẢNH VĂN HÓA  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**NCS. Ngô Anh Đào**

Khoa Văn hóa học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[anhdao81@hcmussh.edu.vn](mailto:anhdao81@hcmussh.edu.vn)

**Tóm tắt**

Bài viết này giới thiệu một số đặc điểm tiêu biểu của kịch nói Thành phố Hồ Chí Minh. Phương pháp nghiên cứu được vận dụng là phân tích – tổng hợp, quan sát tham dự, kết hợp cùng thao tác thu thập, thống kê và xử lý dữ liệu thứ cấp từ các sách, báo, tạp chí. Kết quả nghiên cứu cho thấy kịch nói Thành phố sẽ có những đặc trưng riêng so với các vùng miền khác trong cả nước. Từ sân khấu kịch nói, chúng ta có thể phần nào hiểu hơn về văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh - một đô thị lớn, năng động. Bên cạnh đó, nghiên cứu có thể giúp cho những nghệ sỹ, nhà quản lý tham khảo trong việc xây dựng và phát triển để kịch nói nơi đây ngày càng vững mạnh, nhận được nhiều hơn tình yêu và sự quan tâm của công chúng.

*Từ khóa: kịch nói Thành phố Hồ Chí Minh, đặc điểm, văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*

**HOÀ NHẬP VĂN HOÁ  
GIỮA HAI NHÓM CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT DI CƯ  
Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (TRƯỜNG HỢP ÁP MŨI TRÀM B,  
XÃ KHÁNH BÌNH TÂY BẮC, HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU)  
NCS. Trương Thị Lam Hà**

Khoa Văn hóa học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[lamha@hcmussh.edu.vn](mailto:lamha@hcmussh.edu.vn)

**Tóm tắt**

ĐBSCL là vùng đất mới, người Việt di cư từ Bắc Bộ, Trung Bộ đến ĐBSCL từ khoảng thế kỷ XVII, và quá trình di cư đó vẫn diễn ra đến ngày nay. Trong quá trình sinh sống, giữa lớp người Việt ở ĐBSCL lâu năm (cố cựu, trên 5 đời) và những người mới đến là quá trình học hỏi các giá trị mới và lưu giữ các giá trị vốn có. Nghiên cứu văn hoá nhìn từ hoà nhập văn hoá sẽ cho thấy sự đóng góp của tầng lớp di dân mới vào sự phát triển của vùng đất, và ngược lại, hiểu được cách các di dân mới bảo lưu các giá trị truyền thống và tiếp nhận giá trị văn hoá mới như thế nào. Đề tài nghiên cứu cụ thể trường hợp áp Mũi Tràm B, xã Khánh Bình Tây Bắc, và tập trung vào “làng đại học” – còn được gọi là xóm Huế, nơi có các hộ dân từ Quảng Nam đến ĐBSCL lập nghiệp từ những năm 1962. Câu hỏi chúng tôi đặt ra là, các gia đình cố cựu và các gia đình di dân mới trong quá trình sinh sống ở vùng đất mới có tạo tương tác thế mạnh xung đột hay không và quá trình đó diễn ra như thế nào? Trong quá trình sinh sống với các hộ cố cựu ở địa phương, các gia đình di dân mới giải quyết như thế nào về những khác biệt giữa tri thức truyền thống cần bảo lưu và tri thức thích nghi mới cần học hỏi ở các gia đình cố cựu? Để trả lời câu hỏi này, chúng tôi sử dụng phương pháp điền dã và nghiên cứu dòng chảy cuộc đời, dựa trên lý thuyết xung đột, mâu thuẫn. Thực tiễn nghiên cứu cho thấy, những di dân gốc Trung Bộ có lòng tự hào sâu sắc về những giá trị truyền thống của quê hương, đặc biệt là truyền thống hiếu học. Tuy nhiên, trong quá trình sinh sống, vượt qua những khác biệt, mâu thuẫn ban đầu, họ còn tiếp nhận cả những tính cách tốt của dân cố cựu, nhằm hình thành những giá trị văn hoá mới của gia đình và cả vùng đất.

*Từ khóa: di dân, cố cựu, Đồng bằng sông Cửu Long, hoà nhập văn hoá, xung đột văn hoá*

**HÂM MỘ THẦN TƯỢNG - MỘT PHƯƠNG THỨC KIẾN TẠO BẢN SẮC  
CỦA GIỚI TRẺ VIỆT NAM HIỆN NAY**

**TS. Đinh Việt Hà**

Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn Lâm KHXH Việt Nam

[hadinhvietsp@gmail.com](mailto:hadinhvietsp@gmail.com)

**Tóm tắt**

Trong những năm gần đây, hâm mộ thần tượng trở thành một hiện tượng nổi bật, phổ biến của giới trẻ trên phạm vi toàn cầu. Việc giới trẻ hiện nay say mê và dành nhiều thời gian, công sức, tiền bạc để theo đuổi các thần tượng của họ đã khiến không ít người lo ngại vì không hiểu nổi người trẻ nghĩ gì và tại sao các ngôi sao giải trí kia lại có thể khiến giới trẻ “phát cuồng” như thế. Điều này gợi ra những câu hỏi nghiên cứu có tính then chốt để hiểu về giới trẻ Việt Nam - những người đang trong độ tuổi còn loay hoay tìm giá trị bản thân và khủng hoảng về căn tính giữa bối cảnh văn hóa tiêu dùng và truyền thông phát triển mạnh mẽ. Từ các tư liệu quan sát tham dự và phỏng vấn sâu đối với một số (nhóm) người hâm mộ các thần tượng giải trí ở Việt Nam, dựa trên cách tiếp cận của ngành nghiên cứu văn hóa, bài viết lập luận rằng hâm mộ thần tượng không chỉ là một thực hành giải trí, tiêu dùng mà còn là một phương thức kiến tạo căn tính của giới trẻ, đồng thời chỉ ra một số phương thức mà những người (nhóm) hâm mộ trẻ tạo dựng bản sắc của họ là: (1) giải mã thần tượng: sự phản chiếu căn tính cá nhân; (2) chia sẻ những ý nghĩa biểu trưng: sự kiến tạo bản sắc nhóm. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần vào việc làm lộ ra các chiều kích phong phú, đa chiều của văn hóa giới trẻ trong thế giới đương đại.

*Từ khóa: Giới trẻ, Văn hóa giới trẻ, Hâm mộ thần tượng, Kiến tạo bản sắc*

**IDOL WORSHIP: A MEASURE OF CONSTRUCTING IDENTITY  
AMONG YOUNG PEOPLE**

**Abstract**

In recent years, idol worship has become a prominent and popular phenomenon among young people worldwide. The fact that today's young people are passionate and spend a lot of time, effort and money in pursuit of their idols has made many people worried because they do not understand what young people think and why these celebrities can make their children “crazy”. This makes key research questions to understand about Vietnamese young people - who are still struggling to find their own values and identity crisis in the context of a rapidly evolving media and consumer culture. From the attendance observations and in-depth interviews

with some (groups) of fans of entertainment idols in Vietnam, based on the cultural research perspectives, the article argues that fans idolatry is not only an entertainment and consumption practice but also a measure of constructing identity among young people, and points out some of the ways in which young fans (groups) construct their identity are: (1) Decoding idol: personal reflection; (2) Sharing symbolic meaning: the construction of group identity. The research results might contribute to revealing the plentiful and diverse dimensions of youth culture in the contemporary world.

*Keywords: Youth culture, Idol worship, Identity construction, Contemporary World*

**NĂNG LỰC GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA CỦA SINH VIÊN QUỐC TẾ  
NGÀNH VIỆT NAM HỌC – MỘT NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP**

**TS. Trần Thị Thanh Trúc**

Khoa Ngữ văn Nga, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG HCM

[thanhtructran@hcmussh.edu.vn](mailto:thanhtructran@hcmussh.edu.vn)

**NCS. Lê Thị Đức Hải**

Khoa Văn hóa học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG HCM

[duchai1612@hcmussh.edu.vn](mailto:duchai1612@hcmussh.edu.vn)

**Tóm tắt**

Năng lực liên văn hóa là một mục tiêu quan trọng đối với giáo dục đại học nhằm đáp ứng nhu cầu của những người học thế hệ gen Z vốn năng động, đang học tập, làm việc và giao tiếp trong một thế giới đa văn hóa. Nghiên cứu này tiến hành một cuộc khảo sát nhận thức của sinh viên quốc tế học tiếng Việt về năng lực giao tiếp liên văn hóa của họ. Cuộc khảo sát được tiến hành trên 69 sinh viên quốc tế chuyên ngành Việt Nam học tại khoa Việt Nam học - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM. Dữ liệu được phân tích bởi phần mềm SPSS kiểm tra nhận thức của người tham gia khảo sát. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng sinh viên tham gia khảo sát có mức trung bình tương đối về kiến thức liên văn hóa, nhưng có mức độ cao hơn về thái độ liên văn hóa và các kỹ năng liên văn hóa. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp thiết thực cho các giảng viên và nhà giáo dục trong việc thay đổi phương pháp giảng dạy và điều chỉnh chuẩn đầu ra môn học nhằm nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hóa cho sinh viên quốc tế học tiếng Việt.

*Từ khóa: năng lực giao tiếp liên văn hóa, sinh viên quốc tế, tiếng Việt, Việt Nam học*

VỐN VĂN HÓA VÀ VẬN DỤNG VỐN VĂN HÓA VÀO PHÁT TRIỂN  
KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

NCS. Bùi Minh Hào

Khoa Nhân học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

[buihao261@gmail.com](mailto:buihao261@gmail.com)

**Tóm tắt**

Trong bối cảnh các nguồn lực tự nhiên ngày càng bị khai thác cạn kiệt thì nguồn vốn văn hóa càng trở nên có vai trò quan trọng hơn trong quá trình phát triển. Thực tế, trong nhiều năm qua, một số cộng đồng vùng dân tộc thiểu số đã vận dụng vốn văn hóa vào phát triển kinh tế thị trường một cách có hiệu quả. Những mô hình phát triển của họ đã chứng minh rằng các giá trị văn hóa truyền thống không phải là một gánh nặng do phải tốn kém nhiều chi phí bảo tồn, mà ngược lại, còn là một nguồn vốn để phát triển kinh tế. Vốn văn hóa là khái niệm được Piere Bourdieu xây dựng và sau đó được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Ở Việt Nam, trong mấy năm gần đây, vốn văn hóa đang dần thu hút nhiều nhà nghiên cứu ở các lĩnh vực khác nhau trong khoa học xã hội để ý. Trong bài viết này, tác giả đi vào phân tích khái niệm vốn văn hóa và một số lĩnh vực kinh tế mà người dân đã vận dụng vốn văn hóa vào phát triển kinh tế và mang lại những hiệu quả nhất định. Từ đó, bài viết cũng đặt ra một số vấn đề cần thiết để phát huy vai trò của vốn văn hóa vào phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số.

*Từ khóa: Vốn văn hóa, Kinh tế thị trường vùng dân tộc thiểu số, Nhân học văn hóa, Phát triển bền vững*

**BIẾN ĐỔI VĂN HÓA VIỆT NAM TỪ ĐỔI MỚI 1986 ĐẾN NAY**

**PGS.TS. Nguyễn Đức Hòa**

Khoa Sư phạm KHXH, Trường ĐH Sài Gòn

[hoakhoasu@gmail.com](mailto:hoakhoasu@gmail.com)

**NCS. Trần Ngọc Anh**

Trường Đại học Luật TP.HCM

[tnanh@hcmulaw.edu.vn](mailto:tnanh@hcmulaw.edu.vn)

**Tóm tắt**

Từ 1986 đến nay, Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới, văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Đã có các biến đổi to lớn trong xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Nghiên cứu sự biến đổi, văn hóa dân tộc có tầm quan trọng đặc biệt vì văn hóa có vai trò to lớn trong bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người Việt Nam thời kỳ đổi mới.

Mục đích nghiên cứu của bài viết nhằm nêu ra những điểm mới về thực trạng biến đổi văn hóa, mô tả những biến đổi, các thành tựu cơ bản, hạn chế của văn hóa Việt Nam từ khi đổi mới đến nay, đề xuất một số giải pháp về xây dựng nền văn hóa mới.

Phương pháp nghiên cứu: bài sử dụng các phương pháp nghiên cứu như so sánh lịch sử, văn hóa học, liên ngành để làm rõ biến đổi văn hóa Việt Nam thời kỳ đổi mới.

Kết quả nghiên cứu: trình bày chính sách phát triển văn hóa, điểm mới biến đổi văn hóa Việt Nam dưới tác động đổi mới, hội nhập quốc tế và đề xuất một số giải pháp.

*Từ khóa: biến đổi, đổi mới, thực trạng, văn hóa*

**THIẾT CHẾ VĂN HÓA VÀ CHÍNH SÁCH XÂY DỰNG NHÀ VĂN HÓA  
TẠI VIỆT NAM**

**TS. Trần Ngọc Khánh**

Trường ĐH Bình Dương

[tranngockhanh89@gmail.com](mailto:tranngockhanh89@gmail.com)

**Tóm tắt**

Thiết chế là thành quả của con người trong quá trình tổ chức hoạt động tạo lập đời sống. Song quan niệm về thiết chế đến nay còn thiếu rạch ròi, lẫn lộn giữa các lĩnh vực và phạm vi, chưa phân định nội hàm và ngoại diên, khiến thiết chế văn hóa bị lẫn khuất trong thiết chế xã hội. Thuyết tương quan (correlationism) chỉ ra tính nhị nguyên (duality) gồm hai mặt văn hóa và xã hội của thiết chế. Đó là một “cặp đôi”, thống nhất các lĩnh vực mà không đồng nhất các phạm vi, do quan hệ tương ứng và đồng bộ. Các tương quan này có khi mâu thuẫn, đối lập giữa cái riêng và cái chung, đặc thù và phổ biến, đa dạng và thống nhất, nội sinh và ngoại sinh... mà không thể tách rời hoặc loại trừ nhau. Thiết chế ra đời xuất phát từ nhu cầu, mang lại các quyền và lợi ích cho con người qua các thời kỳ. Thiết chế không bất di bất dịch, mà biến đổi theo xu thế văn minh của thời đại và thích ứng với đời sống văn hóa, xã hội. Tại Việt Nam, Nhà văn hóa (NVH) xuất hiện từ lâu đời. Nhà nước chủ trương nhân rộng đại trà mô hình này thành hệ thống “thiết chế văn hóa”(?), nhằm nâng mức hưởng thụ văn hóa cho người dân. Tuy nhiên, chính sách xây dựng NVH để lại nhiều hệ quả bất cập, bế tắc về tổ chức hoạt động, mặc dù nhà nước đã tiến hành “xã hội hóa”, giao quyền chủ động ở cơ sở. Vậy, NVH có nguồn gốc từ đâu? Liệu có phù hợp trong thời đại truyền thông đại chúng? Mô hình này có tương quan với thiết chế văn hóa và xã hội như thế nào? Chính sách xây dựng NVH có đạt hiệu quả khi tổ chức hoạt động mà thiếu sự đồng thuận và tham gia tự nguyện của chủ thể là người dân? Bài viết nhằm phân lập hai phạm trù văn hóa và xã hội của thiết chế, vận dụng kinh nghiệm xây dựng NVH ở trong và ngoài nước, góp phần hoàn thiện thể chế, cơ chế và chính sách ở nước ta theo tinh thần Nghị quyết TW5 (khóa VIII).

*Từ khóa: Chính sách, hoạt động đời sống, nhà văn hóa, thiết chế văn hóa và xã hội, tương quan nhị nguyên*

**CULTURAL INSTITUTIONS AND POLICIES FOR BUILDING CULTURE  
HOUSES IN VIETNAM**

**Abstract**

Institutions are the achievements of people in the process of organizing activities to create life. However, the conceptions of institutions so far are still unclear, confused between fields and scopes, and have not yet distinguished

## THE 6<sup>TH</sup> INTERNATIONAL CONFERENCE ON VIETNAMESE STUDIES

---

connotations and denotations, making cultural institutions hidden in social institutions. Correlationism points to the cultural and social duality of institutions. It is a "couple", unifying the domains without homogenizing the scopes, due to their respective and synchronous relations. These correlations are sometimes contradictory, opposing between the particular and the common, the distinctive and the popular, the diverse and the unified, the endogenous and the exogenous... that cannot be separated or excluded from each other. Institutions were born out of needs, bringing rights and benefits to people through the ages. The institution is not immutable, but changes according to the civilization trend of the times and adapts to cultural and social life. In Vietnam, the House of Culture appeared for a long time. The State advocates mass replication of this model into a system of "cultural institutions", in order to raise the level of cultural enjoyment for the people. However, the policy of building Cultural Houses has left many inadequacies and deadlocks in the organization of activities, even though the state has carried out "socialization" and assigned the initiative at the grassroots level. So, where did the Culture House come from? Is it appropriate in the age of mass media? How does this model correlate with social and cultural institutions? Is the policy of building Culture Houses effective when organizing activities without the consent and voluntary participation of the people as the subject? The article aims to isolate the two cultural and social categories of institutions, apply the experience of building Culture House at home and abroad, and contribute to perfecting the institutions, mechanisms and policies in our country according to the spirit of the Resolution of the 5th Central Committee (Term VIII).

Keywords: Policies, living activities, cultural houses, cultural and social institutions, dualistic relations

**NHẬN DIỆN “TRUYỀN THỐNG” DƯỚI QUAN ĐIỂM HOBSAWM VÀ  
KIẾN TẠO Ở VIỆT NAM**

**NCS. Trịnh Ngọc Linh**

Khoa Văn hóa học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM

[baolinhkidiamond@gmail.com](mailto:baolinhkidiamond@gmail.com)

**Tóm tắt**

Những người theo sáng tạo của truyền thống lập luận rằng tầng lớp tinh hoa là những người sáng tạo ra truyền thống. Thay vào đó, những người theo trường phái kiến tạo - nhấn mạnh đến sự tái tạo liên tục của truyền thống. Ở Việt Nam, đầu thế kỉ XX, truyền thống được khái niệm hóa một cách bài bản trong những nghiên cứu chuyên biệt từ các tác giả Việt Nam theo khuynh hướng Tây học. Từ sau năm 1986, khái niệm “truyền thống” cũng được khoác lên mình chiếc áo mới cùng với những thay đổi trong chiến lược phát triển quốc gia. Bài viết này, định tính vấn đề thông qua nguồn dữ liệu thứ cấp, tiếp cận hậu cấu trúc trong việc thảo luận, đánh giá các hướng hướng tiếp, nhằm để giới thiệu hai cách hiểu phổ quát về “truyền thống” trên thế giới và ở Việt Nam, sau đến trình bày về các cách hiểu và thao tác hóa khái niệm “truyền thống” tại Việt Nam. Trên nền tảng đó, bài viết góp phần định vị cách hiểu về truyền thống tại Việt Nam trong bản đồ nghiên cứu “truyền thống” của thế giới đương đại.

*Từ khóa: “Truyền thống”, Việt Nam, Sáng tạo truyền thống, Kiến tạo truyền thống, Hobsbawm*

SỰ TƯƠNG HỢP CỦA TÍNH CỘNG ĐỒNG VÀ CHỦ NGHĨA TẬP THỂ  
Ở VIỆT NAM TRONG ĐẠI DỊCH COVID 19

TS. Trương Văn Minh

Khoa Văn hóa học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[truongvanminh.htv@gmail.com](mailto:truongvanminh.htv@gmail.com)

**Tóm tắt**

Đại dịch COVID-19 đặt ra cho nhân loại nhiều vấn đề đáng suy ngẫm và phân tích mang tính khoa học trong đó có sự thử thách về tính phù hợp, tính bền vững, khả năng ứng phó của các nền văn hóa đối với những tác động của đại dịch. Riêng trường hợp Việt Nam, mặc dù vẫn có nhiều ý kiến từ góc độ chính trị cho rằng thể chế chính trị có vai trò chủ yếu trong phương pháp và cách thức tiến hành phòng, chống dịch nhưng cũng không ít những phân tích đi đến việc công nhận yếu tố văn hóa là nhân tố tích cực đem lại những thành công nhất định cho Việt Nam trong việc ngăn chặn đà lây lan và giảm thiểu những thiệt hại do dịch bệnh gây ra. Xét về bản sắc, tức là sự lựa chọn của người Việt Nam, thì tính cộng đồng là một biểu hiện rõ nét nhất thành công của Việt Nam trong phòng, chống dịch, từ chính sách và biện pháp của chính quyền đến sự tuân thủ và tự giác của người dân. Xét về quan điểm của cộng đồng thế giới mà chủ yếu là các lý thuyết của giới học giả phương Tây thì chủ nghĩa tập thể cũng góp phần đáng kể vào thành công trong đối phó với đại dịch của các nước phương Đông, trong đó có Việt Nam. Bài tham luận này sẽ sử dụng phương pháp so sánh để tìm ra những điểm gặp nhau giữa bản sắc văn hóa Việt Nam – những gì được lựa chọn và công nhận ở Việt Nam, với quan niệm của phương Tây về chủ nghĩa tập thể - những gì thế giới đánh giá và công nhận về Việt Nam trong việc đối phó với đại dịch Covid 19. Điều này góp phần bổ sung thêm cơ sở thực tiễn đương đại để củng cố những cơ sở lý luận về văn hóa Việt Nam trong nghiên cứu Việt Nam học.

*Từ khóa: Tính cộng đồng, Chủ nghĩa tập thể, Các nền văn hóa thiên về tập thể, Sự tương hợp*

**Abstract**

The COVID-19 pandemic poses many problems for humanity to ponder and analyze scientifically, including the challenge of the suitability, sustainability, and ability of cultures to cope with these challenges. impact of the pandemic. Particularly in the case of Vietnam, although there are still many opinions from a political perspective that political institutions play a key role in the methods of epidemic prevention and control, there are also many analyzes that come to this conclusion. The recognition of cultural factors is a positive factor that brings certain successes to Vietnam in preventing the spread and minimizing the damage caused by the

## THE 6<sup>TH</sup> INTERNATIONAL CONFERENCE ON VIETNAMESE STUDIES

---

disease. In terms of identity, that is, the choice of Vietnamese people, the spirit of community is the clearest expression of Vietnam's success in epidemic prevention and control, from government policies and measures to compliance. and self-awareness of the people. In terms of the views of the world community, mainly the theories of Western scholars, collectivism has also contributed significantly to the success of the Eastern countries in dealing with the pandemic, including Vietnam. This paper will use a comparative method to find the compatibilities of Vietnamese cultural identity - what is chosen and recognized in Vietnam, and the Western concept of collectivism - what the world appreciates and recognizes about Vietnam in dealing with the Covid 19 pandemic. This contributes to adding a contemporary practical basis to strengthen the theoretical foundations of Vietnamese culture in Vietnam Studies.

*Key words: The spirit of community, Collectivism, Collective cultures, Compatibility*

**CHÍNH SÁCH VĂN HOÁ ĐỐI NGOẠI VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG TỚI  
HOẠT ĐỘNG QUẢNG BÁ HÌNH ẢNH VIỆT NAM RA THẾ GIỚI**

**NCS. Vũ Thị Việt Nga**

Viện Văn hoá Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam

[vietnga.vcci@gmail.com](mailto:vietnga.vcci@gmail.com)

**Tóm tắt**

Văn hoá đối ngoại Việt Nam với mục tiêu: góp phần đảm bảo an ninh quốc gia, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế, góp phần phát triển văn hóa quốc gia. Thông qua việc áp dụng các nội dung, hình thức văn hóa: nghệ thuật, lịch sử, tư tưởng, truyền thống văn hóa, thông tin... nhằm đạt được những mục tiêu cơ bản của chính sách đối ngoại quốc gia, tạo hình ảnh tốt đẹp của đất nước, quảng bá văn hóa và ngôn ngữ quốc gia để xây dựng uy tín, vị thế và ảnh hưởng của Việt Nam ra thế giới. Chính nhờ những nỗ lực trong công tác văn hóa đối ngoại, hình ảnh Việt Nam và văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế đã được nâng lên một tầm cao mới. Ngày càng nhiều các quốc gia quan tâm tìm hiểu về Việt Nam với mức độ rộng hơn, sâu hơn và mang tính thực tiễn hơn. Thông qua các hoạt động văn hóa, Việt Nam được biết đến, được nhìn nhận là một nước có truyền thống văn hóa lâu đời, với bề dày lịch sử dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm, và nay là một quốc gia hòa bình, thân thiện, sẵn sàng mở cửa làm bạn với thế giới. Những vấn đề về lịch sử, về văn hóa, về lối sống của người Việt, của dân tộc Việt được tiến hành tìm hiểu dưới mọi góc độ và với mọi cách nhìn nhận.

*Từ khóa: Văn hoá đối ngoại (foreign culture), quảng bá hình ảnh quốc gia (national's image promotion), chính sách văn hoá (culture policy)*

**FROM HANFU MOVEMENT TO VIỆT PHỤC TREND:**

**AN INITIAL COMPARISON**

**M.A., PhD. student Nguyễn Tuấn Nghĩa**

National Cheng Kung University, Taiwan

[tuannghia@hcmussh.edu.vn](mailto:tuannghia@hcmussh.edu.vn)

**Abstract**

More than an invention that makes us warmer or attractive, clothing has long been a direct distinctive indicator of class, ethnicity, gender or generation in human societies. Originating in the early 2000s, Hanfu movement in China has become a remarkable social phenomenon and attracts many Chinese to join in order to assert their noble Han identity. In Vietnam, Việt phục trend has emerged since 2010 and after more than ten years of development also has some notable imprints. Appearing in two neighboring countries with a long history of cultural exchange, what is the relationship between these two phenomena? Is Việt phục trend a copy of Hanfu movement? What are the similarities and differences between them? To answer these questions, this study conducted a systematic comparison to initially identify the characteristics of Việt phục trend and Hanfu movement. The results suggest that despite many similarities, they are still fundamentally different.

*Keywords: Việt phục / Viet clothing, Hanfu / Han clothing, identity, popular culture*

**SỰ BIẾN ĐỔI CỦA TÍN NGƯỠNG VỀ CÁC NỮ TƯỚNG  
THỜI HAI BÀ TRUNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**PGS.TS. Phạm Lan Oanh**

Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

[lanoanhvht@gmail.com](mailto:lanoanhvht@gmail.com)

**Tóm tắt**

Thờ cúng các nữ tướng thời Hai Bà Trưng là một sinh hoạt tín ngưỡng của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ có lịch sử lâu đời. Trải qua thời gian, tín ngưỡng gắn với các nữ tướng của Hai Bà Trưng có sự biến đổi ở nhiều phương diện khác nhau. Từ cứ liệu khảo sát điền dã năm 2021, 2022 tại 11 tỉnh có thờ nữ tướng thời Hai Bà Trưng, tham luận đề cập tới những nhận thức của người dân về việc thực hành tín ngưỡng tại các địa phương. Trên cơ sở đó, bài viết bước đầu nhận diện và đánh giá, bàn luận về biến đổi của tín ngưỡng thờ nhân thần ở châu thổ Bắc Bộ trong giai đoạn hiện nay.

*Từ khóa: Biến đổi tín ngưỡng, nữ tướng thời Hai Bà Trưng, nhân thần, di sản văn hóa*

**LUẬT TỤC VÀ TRI THỨC BẢN ĐỊA CỦA NGƯỜI TÀ ÔI**

**TRONG CANH TÁC NƯƠNG RẦY**

**NNC. Trần Nguyễn Khánh Phong**

Hội Khoa học lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế

[phongtaoi@gmail.com](mailto:phongtaoi@gmail.com)

**Tóm tắt**

Người Tà Ôi ở Thừa Thiên Huế sống chủ yếu dựa vào môi trường núi rừng với hoạt động canh tác sản xuất gắn bó với nương rẫy. Đồng thời, họ cũng biết kết hợp thực hiện các hoạt động khác từ nương rẫy như săn bắn thú, đánh bắt cá, chăn nuôi để đảm bảo cuộc sống của cộng đồng. Xuất phát từ nền kinh tế nông nghiệp nương rẫy, các kỹ thuật canh tác từ khâu tìm đất, phát, cốt, đốt, tria đến khâu thu hoạch và bảo quản của người Tà Ôi đều dựa vào luật tục và kinh nghiệm dân gian được truyền từ đời này sang đời khác. Kế tiếp những vốn quý trong luật tục và tri thức bản địa của người Tà Ôi đã được đề cập đến qua tài nguyên đất, tài nguyên rừng và tài nguyên nước. Giờ đây, chúng tôi giới thiệu tiếp những vấn đề về luật tục và tri thức bản địa của người Tà Ôi trong canh tác nương rẫy qua kinh nghiệm tìm đất rẫy; sở hữu, khai thác và bảo vệ nương rẫy. Bố cục tham luận, ngoài phần đặt vấn đề và kết luận, phần chính gồm 3 tiểu mục sau (1) Luật tục và tri thức bản địa của người Tà Ôi trong việc tìm đất rẫy; (2) Luật tục và tri thức bản địa của người Tà Ôi trong việc sở hữu và canh tác nương rẫy; (3) Luật tục và tri thức bản địa của người Tà Ôi trong việc bảo vệ nương rẫy.

*Từ khóa: Dân tộc Tà Ôi, luật tục; tri thức bản địa, canh tác nương rẫy*

**NGHI LỄ LÊN ĐỒNG TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU TỨ PHỦ  
Ở HUẾ - NHỮNG BIẾN ĐỔI VÀ GIẢI PHÁP BẢO TỒN**

**ThS. Nguyễn Hữu Phúc**

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[thienphuc2509history@gmail.com](mailto:thienphuc2509history@gmail.com)

**Tóm tắt**

Khi tín ngưỡng thờ Mẫu theo chân đoàn người Nam tiến đến khai phá vùng đất miền Trung và tiếp thu việc thờ Nữ thần Xứ sở của người Chăm Poh Inur Nagar, dần Việt hoá thành Thiên Y A Na, đã tạo nên diện mạo mới của tín ngưỡng ở Huế so vùng đồng bằng Bắc bộ. Theo đó, việc thực hành tín ngưỡng, mà điển hình là nghi lễ lên đồng cũng mang nhiều nét khác biệt, trở thành nét đặc trưng riêng có của vùng Huế. Tuy nhiên, với sự hội nhập quốc tế cũng như những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, nghi lễ lên đồng của người Việt nói chung và Huế nói riêng đang dần bị biến đổi, thậm chí là biến tướng, làm mất đi những giá trị vốn có mà đã được UNESCO công nhận là di sản văn hoá phi vật thể. Với việc sử dụng phương pháp tiếp cận liên ngành: Tôn giáo học, sử học, tâm lý học, nghệ thuật học, văn hoá học, xã hội học,..., kết hợp với phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, bài viết đi sâu làm rõ những biến đổi của diễn xướng nghi lễ lên đồng trong thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ tại vùng Huế. Từ đó, bài báo đưa ra một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy những giá trị của tín ngưỡng thờ Mẫu nói chung và nghi lễ lên đồng của người Huế nói riêng.

Từ khóa: Bảo tồn, biến đổi, Huế, nghi lễ lên đồng

**NGHI LỄ RAMAWAN – KẾT QUẢ CỦA QUÁ TRÌNH TIẾP BIẾN VĂN HOÁ CỦA CỘNG ĐỒNG CHĂM AWAL Ở VIỆT NAM**

**ThS. Đạo Thanh Quyển**

Phân Viện Văn hoá Nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh

[daothanhquyen@gmail.com](mailto:daothanhquyen@gmail.com)

**Tóm tắt**

Bài viết này dựa trên cấu trúc luận của Claude Lévi-Strauss và chức năng luận của Radcliffe-Brown để tìm hiểu của quá trình tiếp biến giữa văn hóa Chăm với văn hóa Ấn Độ, văn hoá Ả Rập và văn hoá Mã Lai thông qua nghi lễ Ramawan. Nghiên cứu này chỉ ra rằng trong quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa, chủ thể văn hóa (người Chăm) đã dung nạp và cấu trúc lại các thành tố văn hóa mới vào văn hóa của mình. Chính điều này đã làm cho văn hóa Chăm không rơi vào tình trạng phụ thuộc vào văn hóa bên ngoài mà luôn chủ động tiếp thu để làm giàu thêm nền văn hoá Chăm nói riêng và văn hoá Việt Nam nói chung.

*Từ khóa: Tiếp biến văn hoá, Chăm Awal, nghi lễ, Ramawan*

**RAMAWAN RITUAL – THE RESULT OF ACCULTURATION PROCESS OF CHAM AWAL COMMUNITY IN VIETNAM**

**Abstract**

This paper uses the structuralism theory of Claude Lévi-Strauss and functionalism theory of Radcliffe-Brown to study on mechanic of the acculturation process among Cham culture with Indian culture, Arab culture, and Ma Lai culture through Ramawan ritual. This research of the show that in the process of acculturations, the Cham culture has received and restructured new cultural elements into their culture. Through acculturation exchanges has been making more enrich and diverse for the Cham culture in particular, and Vietnam culture in general.

*Keywords: Acculturation, Cham Awal, Ritual, Ramawan, Ramadan*

ON THE TWO EARLY DU'ĀH (PŌ KLAONG BARAU AND PŌ HANIIM  
PER) BROUGHT ISLAM TO PĀṄḌURAṄGA (VIETNAM) AND  
CAMBODIA IN THE XV CENTURY

**PhD. Shine Toshihiko**

Asian Cultures Research Institute, Tokyo University, Tokyo, Japan

[toshihiko.shine@mofa.go.jp](mailto:toshihiko.shine@mofa.go.jp)

**Assoc. Prof. PhD. Sakaya Trương Văn Món**

Faculty of Anthropology, USSH, VNU-HCM

[vanmonsakaya@hcmussh.edu.vn](mailto:vanmonsakaya@hcmussh.edu.vn)

**Abstract**

We re-examined on two early du'āh (missionary) who introduced Islam to the Cham people in Pāṅḍuraṅga (Pāṅḍarang, southern-end of Central Vietnam) and Cambodia by synthesizing the Cham manuscripts and the Sino-Vietnamese, Chinese, Malay, and Javanese historical sources with original texts and its transcription and translation. The first dāī (mission), the origin of Islam, which is inherited by contemporary Chams in Vietnam and Cambodia is Nursawan (or Nosarawan, Pō Siwan) and his two sons. Has contemporary Islam of the Cham (taught by Nursawan and his sons) was transformed/changed in comparison with the old Islam that can be inferred from historical sources? About tendency to respect women's rights in the Chams, it originally does not differ greatly from the tendency in each madhhab/schools of Sunni. About the Cham's tendency to worship saints, it might be also appeared from the beginning of its Islamisation as evidenced by the legend that Pō Klaong Barau built a stone mausoleum (ikak kut, meaning that Pō Klaong Barau built the shrine for Pō Bhum). Considering that the reason why individuals do not pray five times a day is that they think of Allāh all day long (Tuk halei lijang dal tal pō abih), it might be existing from the beginning of Islamisation. Considering above, it is possible that many of Cham's adaptations to Islam might be occurred at the beginning of the acceptance of Islam, and not changes that occurred over time.

*Keywords: the Chams, Pāṅḍuraṅga, da'wah, Islamisation*

**XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VĂN HOÁ NÔNG THÔN MỚI Ở VIỆT NAM  
TỪ NHẬN THỨC LÝ LUẬN ĐẾN ĐỊNH HƯỚNG NỘI DUNG, GIẢI PHÁP  
THỰC TIỄN**

**PGS.TS. Huỳnh Quốc Thắng**

Khoa Văn hóa học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[huynhquocthang@usshcm.edu.vn](mailto:huynhquocthang@usshcm.edu.vn)

**Tóm tắt**

Xây dựng môi trường văn hóa trên một địa bàn thực chất là việc kiến tạo một cách đồng bộ, toàn diện những giá trị mang tính chất tích cực tạo điều kiện sống tốt đẹp, bền vững cả về tự nhiên, xã hội, vật chất và tinh thần của toàn thể người dân trên địa bàn đó. Vì vậy xây dựng môi trường văn hóa trên địa bàn nông thôn mới là một trong những định hướng quan trọng và có ý nghĩa chiến lược. Nó không chỉ trực tiếp góp phần thúc đẩy việc thực hiện căn cơ và toàn diện hơn chủ trương xây dựng nông thôn mới đang được triển khai trong cả nước mà nhìn rộng ra còn có thể tác động sâu sắc đối với chiến lược xây dựng môi trường văn hóa tại các địa bàn nông thôn cụ thể của đất nước trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa ngày càng phát triển mạnh mẽ. Từ góc nhìn Văn hóa học ứng dụng cùng một số khoa học chuyên ngành khác, chủ yếu bằng phương pháp định tính dựa trên phân tích tổng hợp các nguồn tài liệu khác nhau, gồm cả các văn kiện liên quan của Đảng và Nhà nước kết hợp khảo sát tình hình thực tiễn, bài viết có thể xem là bản phác thảo ý tưởng bước đầu nhằm xác lập cơ sở nhận thức, nội dung và giải pháp định hướng cho những kế hoạch chi tiết và cụ thể, những đề án quy hoạch, kế hoạch thực tế liên quan môi trường văn hóa trong mục tiêu phát triển nông thôn mới nói riêng, cho chiến lược phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn ở Việt Nam nói chung.

*Từ khóa: Môi trường văn hóa, nông thôn mới, môi trường văn hóa nông thôn mới, nông thôn mới ở Việt Nam*

**KẾT QUẢ THI PISA VÀ HIỆN TRẠNG CỦA GIÁO DỤC VIỆT NAM  
TRƯỚC NGƯỠNG CỬA HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN DƯỚI GÓC NHÌN  
VĂN HÓA**

**GS. TSKH. Trần Ngọc Thêm**

Khoa Văn hóa học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[ngocthem@hcmussh.edu.vn](mailto:ngocthem@hcmussh.edu.vn)

**Tóm tắt**

So sánh kết quả thi PISA với GDP quốc gia, các nhà nghiên cứu giáo dục của Ngân hàng thế giới (World Bank, 2018; Dang H., Glewwe P., Lee J., and Vu K., 2020, v.v.) cũng như các nhà quản lý giáo dục cho rằng Việt Nam thuộc số những nền giáo dục rất hiệu quả, đầu tư ít mà kết quả cao. Bài viết này cung cấp cái nhìn nghi ngờ của dân chúng Việt Nam về sự đánh giá này (thông qua kết quả điều tra) và đặt kết quả thi PISA trong mối tương quan với bức tranh chung về hiện trạng của giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa hội nhập và phát triển. Phân tích vấn đề dưới góc nhìn văn hóa cho phép lý giải nghịch lý lớn của giáo dục Việt Nam, và giải thích vì sao số liệu thu được của Việt Nam có sự khác biệt lớn so với mô hình đánh giá của OECD. Từ đó đề xuất bổ sung điều chỉnh mô hình đánh giá hiệu quả của giáo dục.

*Từ khóa: nghịch lý giáo dục, kết quả thi PISA, hiện trạng giáo dục Việt Nam, mô hình đánh giá, hiệu quả của giáo dục*

**KÝ ỨC TẬP THỂ VÀ SỰ ĐỨT GÃY VĂN HÓA: TỤC THỜ VÀ LỄ HỘI BÀ ĐEN TRUYỀN THỐNG Ở TÂY NINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thơ**

Khoa Văn hóa học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[ngoctho@hcmussh.edu.vn](mailto:ngoctho@hcmussh.edu.vn)

**Tóm tắt**

Tín ngưỡng Bà Đen ở Tây Ninh là một di sản văn hóa dân gian quan trọng vào bậc nhất ở Nam Bộ, phản ánh lịch sử hình thành, phát triển văn hóa người Việt cũng như quá trình giao lưu văn hóa các dân tộc Việt, Khmer trong vùng. Thế nhưng vào đầu năm 2020, tượng Tây Bô Đà Sơn (Quan Âm Bồ Đà) mang phong cách Phật giáo thời Lý vùng Kinh Bắc, có màu sắc đặc trưng cũng là màu đen, được Tập đoàn Sun Group xây dựng trên đỉnh núi Bà Đen với quy mô lớn và trang bị phương tiện giao thông hiện đại (cáp treo) để phục vụ du lịch, tạo nên nguy cơ “đứt gãy truyền thống” tín ngưỡng Bà Đen trong tâm thức dân gian. Kèm theo đó, hình ảnh Bà Đen có nguy cơ bị “nuốt chửng” (eating up) trong hình ảnh một “Bà Đen mới” trên đỉnh núi. Giới trẻ và khách du lịch tứ phương bắt đầu ngộ nhận Tây Bô Đà Sơn trên đỉnh núi là Bà Đen. Đôi mươi năm nữa, nhận thức sai lệch ấy có thể sẽ trở thành một phần “truyền thống” mới được “sáng tạo tức thì”.

Bài viết này vận dụng quan điểm sáng tạo truyền thống của Eric Hobsbawm (1980) và quan điểm “đứt gãy truyền thống của Halbwachs (1992) để đánh giá hiện tượng “cây ghép” làm “đứt gãy văn hóa” nói trên; đồng thời đề xuất giải pháp nghệ thuật hóa để lưu giữ ký ức tập thể, tôn vinh giá trị và lưu giữ ký ức văn hóa Bà Đen nguyên bản cho các thế hệ mai sau.

*Từ khóa: Bà Đen, Tây Bô Đà Sơn, sáng tạo truyền thống, ký ức tập thể, phim tài liệu*

**DI SẢN VĂN HÓA TRONG ĐỜI SỐNG ĐƯƠNG ĐẠI: TÍNH KHỚP NỐI  
XÃ HỘI TRONG TỤC THỜ VÀ LỄ HỘI THIÊN HẬU ĐẦU XUÂN Ở  
THÀNH PHỐ MỚI BÌNH DƯƠNG**

**PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thơ & ThS. Huỳnh Hoàng Ba**

Khoa Văn hóa học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM

[ngoctho@hcmussh.edu.vn](mailto:ngoctho@hcmussh.edu.vn)

**Tóm tắt**

Khác với nhiều nhận định cho rằng văn hóa và “truyền thống” hoàn toàn mang tính trầm tích lịch sử và tương đối ổn định, bài viết này thông qua khảo sát trường hợp tục thờ và lễ hội Thiên Hậu ở thành phố mới Bình Dương (TPMBD) để chứng minh rằng văn hóa cộng đồng và “truyền thống” trong nhiều trường hợp lại là “sản phẩm tức thời” của quá trình điều đình và thỏa hiệp giữa các bên (giữa các nhóm cộng đồng, giữa cộng đồng với chính quyền địa phương...). Trong đó những động lực, mục tiêu gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa và lợi ích kinh tế đan cài, chi phối nhau, biến thực hành văn hóa trở thành một “sân khấu” thể hiện các chiêu kích vận động xã hội đầy màu sắc. Giới quản lý ở TPMBD chủ trương “thiết lập mới” tục thờ và lễ hội Thiên Hậu (vốn có trong dân gian người Hoa hàng trăm năm qua ở thành phố Thủ Dầu Một) để (1) thể hiện đầy đủ và sinh động các thiết chế văn hóa – tín ngưỡng hiện có trong tỉnh Bình Dương, và (2) “làm gia tăng” sinh khí và tính năng động kinh tế cho TPMBD. Thế nhưng, nhiều tương tác giữa các bên liên quan, cùng với đó là sự tan vỡ của tính khớp nối cũ trong khi vòng khớp nối mới chưa hình thành, khiến cho sự thiết lập thiết chế tín ngưỡng mới này trở nên lạc long, vô hồn. Các thực hành văn hóa gắn với tục thờ và lễ hội Thiên Hậu TPMBD trở thành “sản phẩm tức thời” của các quá trình tương tác và thỏa hiệp. Nghiên cứu này một lần nữa nhấn mạnh rằng việc phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống trong đời sống đương đại chỉ được thực hiện thành công khi cộng đồng địa phương được trao quyền chủ động tham gia trong suốt quá trình kiến tạo các nguồn lực mới cho xã hội.

*Từ khóa: Thiên Hậu, thành phố mới Bình Dương, sáng tạo truyền thống, sự khớp nối*

**DU LỊCH NÔNG THÔN –  
XU HƯỚNG DU LỊCH SAU ĐẠI DỊCH COVID 19**  
(Nghiên cứu trường hợp: du lịch nông thôn tại Đà Lạt – Lâm Đồng)

**ThS. Nguyễn Đình Toàn**

Khoa Du lịch, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[nguyendinhthoan@hcmussh.edu.vn](mailto:nguyendinhthoan@hcmussh.edu.vn)

**Tóm tắt**

Đa dạng hóa các loại hình du lịch là như cầu tất yếu của hoạt động kinh tế du lịch. Du lịch nông thôn đang là loại hình được quan tâm từ phía chính quyền và các doanh nghiệp du lịch cùng với người nông dân. Thành phố Đà Lạt hội tụ điểm đến với sự phát triển nhiều loại hình du lịch trong đó có du lịch nông thôn. Thông qua khảo sát điền dã thực tế địa bàn nghiên cứu từ tháng 9/2019 đến 9/2020 chúng tôi nhận thấy du lịch nông thôn ở Đà Lạt đang là hướng phát triển tiềm năng đối với tỉnh Lâm Đồng, nhất là trong bối cảnh đại dịch Covid – 19 hiện nay. Phân tích chiến lược phát triển du lịch nông thôn thông qua phương pháp SWOT sẽ dữ liệu cơ sở để hoạch định các chính sách phát triển du lịch nông thôn hợp lý với Đà Lạt nói riêng và Lâm Đồng nói chung. Đà Lạt nổi lên với các sản phẩm nông nghiệp tại nông thôn được khai thác chiến lược là cây dâu, cà phê và các loài hoa. Du lịch nông thôn hướng đi kinh tế của nông dân kết hợp với du lịch, giải pháp thêm cho người nông dân trong bài toán đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp đặc thù của địa phương.

*Từ khóa: Du lịch; du lịch nông thôn; du lịch và đại dịch Covid 19*

**BƯỚC ĐẦU NGHIÊN CỨU VỀ VÕ THUẬT VIỆT NAM  
– MỘT BẢN SẮC VĂN HÓA ÍT ĐƯỢC QUAN TÂM**

**TS. Hồ Văn Tường**

Trường ĐH Bình Dương

[vosuhotuong56@gmail.com](mailto:vosuhotuong56@gmail.com)

**Tóm tắt**

Trong suốt chiều dài lịch sử Việt Nam, khi súng đạn chưa trở thành vũ khí chủ yếu trong chiến tranh, chính Võ Việt Nam đã tích cực góp phần mang lại những chiến công lừng lẫy trong sự nghiệp dựng nước, giữ nước và mở mang đất nước Việt Nam. Bằng phương pháp nghiên cứu phân tích, so sánh và tổng hợp, có thể thấy được đặc điểm cốt lõi của Võ Việt Nam thể hiện qua hệ thống kỹ thuật chuyên môn vô cùng phong phú, mỗi một bài võ đều được tổng hợp trong một bài thơ, cộng với kỹ thuật thể hiện liên hoàn, chủ lực triển khai ở trước mặt và sau lưng. Từ đó, Võ Việt Nam mang đến cho người tập thể trạng sức khỏe tốt, có được kỹ năng tự vệ và đối kháng bằng tay chân hay binh khí, rèn luyện những đức tính tốt đẹp, các kỹ năng sống cần thiết, các kiến thức về y học trong võ thuật và tạo nên tính nghệ thuật cho Võ Việt Nam. Trong quá trình phát triển, môn Võ Việt Nam đã thể hiện đặc tính của văn hóa Việt Nam là tính thích nghi và tính biến đổi để môn Võ Việt Nam theo kịp nhịp thở của thời đại, trường tồn với thời gian. Tóm lại, Võ Việt Nam đã có một vai trò nhất định trong lịch sử Việt Nam, đang cần được quan tâm nghiên cứu.

*Từ khóa: Võ Việt Nam, Dựng nước, Giữ nước, Mở mang đất nước, Bản sắc văn hóa Việt Nam*

**TIỂU BAN 2: VĂN HỌC – NGHỆ THUẬT**

**HIỆN TÌNH VIỆT NAM HỌC TẠI HOA KỲ**

**GS. Bùi Chúc Quyên Di**

Department of Asian Languages and Cultures,  
University of California – Los Angeles (UCLA)

[quyendi@humnet.ucla.edu](mailto:quyendi@humnet.ucla.edu)

**Tóm tắt**

Càng ngày giới giáo dục càng chú ý đến ngành Việt Nam Học tại Hoa Kỳ, một phần vì Hoa Kỳ là quốc gia có người Mỹ gốc Việt đông đảo nhất thế giới; một phần vì nhiều nhà giáo người Việt muốn có cơ hội dạy Tiếng Việt tại Hoa Kỳ. Vì thế, vấn đề này cần được tìm hiểu một cách chi tiết.

Bài nghiên cứu này dựa trên kinh nghiệm bản thân và sự hiểu biết của một người dạy tiếng Việt tại Hoa Kỳ ngót 30 năm, cũng là Giám sát viên Đại học của những ứng viên theo ngành Sư Phạm Anh-Việt, đồng thời là Tư vấn chương trình Ngôn Ngữ Song Hành Hoà Nhập Anh-Việt. Bài nghiên cứu cũng dựa vào những trang “web” chính thức của các cơ sở giáo dục có chương trình Tiếng Việt.

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự thật Hoa Kỳ không phải là môi trường thuận lợi cho việc dạy ngoại ngữ. Tuy nhiên, vì ý chí bảo vệ ngôn ngữ và văn hoá gốc Việt Nam của người Mỹ gốc Việt, các chương trình dạy và học tiếng Việt tại quốc gia này vẫn phát triển. Một số trường Tiểu học, Trung học có chương trình tiếng Việt. Nhiều đại học lớn và danh tiếng tại Hoa Kỳ có chương trình tiếng Việt, mà University of California, Los Angeles (UCLA) là một điển hình.

Hiện nay, các nhà giáo vẫn có những cơ hội để trở thành giáo viên, giảng sư, giáo sư dạy môn tiếng Việt tại Hoa Kỳ.

*Từ khóa: Việt Nam Học, Đại học tại Hoa Kỳ, chương trình tiếng Việt, Dual Language Immersion (Song Ngữ Hội Nhập, Ngôn Ngữ Song Hành Hoà Nhập,) văn hoá Việt Nam*

**SỰ DIỄN GIẢI CHIẾN TRANH VIỆT NAM  
TRONG VĂN HỌC HƯƠNG THỔ ĐÀI LOAN  
(Trường hợp Hoa hồng tháng sáu của Chen Ying-Zhen và  
Góa phụ trẻ của Huang Chun-Ming)**

**GS.TS. Phan Thị Thu Hiền**

Khoa Hàn Quốc học, Trường ĐHKHXH&NV – ĐHQG TP HCM

[phanthithuhien@hcmussh.edu.vn](mailto:phanthithuhien@hcmussh.edu.vn)

**Tóm tắt**

Tìm hiểu sự phản ánh cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam qua truyện ngắn 六月裡的玫瑰花 (Roses in June, Hoa hồng tháng Sáu) của Chen Ying-zhen (陳映真; Trần Ánh Chân, 1937 – 2016) và truyện vừa 小寡妇 (Young widow, Góa phụ trẻ) của Huang Chun-ming (黃春明; Hoàng Xuân Minh, sinh năm 1935) từ góc nhìn hậu hiện đại, chúng tôi cố gắng làm sáng rõ những cách thức mà Đài Loan liên quan đến cuộc chiến tranh này, cái nhìn chiến tranh và thông điệp của các nhà văn phản kháng những thế lực đế quốc và tư bản, liên kết những người dân thế giới thứ Ba trong khát vọng chung vì hòa bình. Công trình nghiên cứu này nằm trong đề án đã, đang và sẽ được thực hiện của chúng tôi về Chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam và văn học thế giới thế kỷ 20.

*Từ khóa: Chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam, văn học hiện đại Đài Loan, Chen Ying-zhen, Huang Chun-ming, truyện ngắn Hoa hồng tháng Sáu, truyện vừa Góa phụ trẻ*

**THE THEME OF AMERICAN WAR IN VIETNAM THROUGH  
TAIWANESE LITERARY WORKS VIEWED FROM POSTMODERNISM**

**(Case studies of Roses in June by Chen Ying-Zhen  
and Young widows by Huang Chun-Ming)**

**Abstract**

Focusing on the American war in Vietnam reflected in the short story *Roses in June* by Chen Ying-zhen (陳映真; 1937 - 2016) and the novella *Young widows* by Huang Chun-ming (黃春明; born in 1935), we try to clarify the ways in which Taiwan relates to this war, the authors' viewpoint on war and their message of

## THE 6<sup>TH</sup> INTERNATIONAL CONFERENCE ON VIETNAMESE STUDIES

---

protesting against imperialist and capitalist powers, uniting the Third World peoples in a common aspiration for peace. This research is part of our ongoing project on the theme of American War in Vietnam and 20th Century World Literature.

*Keywords: American war in Vietnam, Taiwanese modern literature, Postmodernist criticism, Chen Ying-zhen, Huang Chun-ming, the short story Roses in June, the novella Young widows*

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP  
NGHIÊN CỨU VIỆT NAM HỌC**

**TS. Hồ Việt Hoàng**

Khoa Việt Nam học, Trường ĐH Ngoại ngữ, Đại học Huế

[viethoang.vnh@gmail.com](mailto:viethoang.vnh@gmail.com)

**Trần Mai Phượng**

Khoa Lịch sử, Trường ĐH Khoa học, Đại học Huế

[phuongtran.ant@gmail.com](mailto:phuongtran.ant@gmail.com)

**Tóm tắt**

Với tư cách là một ngành khoa học, Việt Nam học ra đời và xác lập từ những năm cuối thế kỷ XX (gắn với sự kiện Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ I, ngày 15/07/1998). Trải qua hơn 24 năm, Việt Nam học từng bước khẳng định vị trí, vai trò của mình, trở thành một ngành khoa học quan trọng, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển bền vững đất nước/khu vực trong bối cảnh, tình hình mới. Tuy nhiên, thực tế quá trình nghiên cứu, đào tạo của ngành Việt Nam học vẫn còn nhiều tranh luận, chưa thống nhất, nhất là về cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu, kéo theo chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo Việt Nam học ở nhiều Viện, Trường Cao đẳng, Đại học không giống nhau, phụ thuộc vào thế mạnh nguồn nhân lực, trùng lặp với những ngành khác.

Qua thực tiễn quá trình học tập, nghiên cứu và đào tạo, chúng tôi sẽ giới thiệu, làm rõ một số vấn đề về lý thuyết/lý luận và phương pháp nghiên cứu cơ bản của Việt Nam học, hướng đến việc trao đổi, thống nhất để triển khai hoạt động nghiên cứu và đào tạo về Việt Nam học. Để đạt mục tiêu đó, nội dung bài viết của chúng tôi tập trung giải quyết những vấn đề: (1) Việt Nam học tiếp cận lý thuyết và phương pháp nghiên cứu của Khu vực học (Area Studies), từ Khu vực học cổ điển/truyền thống đến Khu vực học hiện đại; (2) Việt Nam học là khoa học liên ngành, cơ bản và có tính ứng dụng cao; (3) trên cơ sở nghiên cứu các khu vực/không gian và vấn đề toàn cầu (Global Studies), Việt Nam học hướng đến mục đích đánh giá các nguồn lực, tiềm năng, cơ hội, mô hình, con đường hình thành không gian phát triển bền vững trong bối cảnh hiện nay và đồng thời, vận dụng để giải quyết những vấn đề có tính chất đương đại (toàn cầu hóa: dịch bệnh, khủng bố, biến đổi khí hậu, môi trường...), tính phức hợp cao, phù hợp, thích ứng với bối cảnh, đặc thù của Việt Nam (hành động địa phương - Glocalization).

*Từ khóa: Việt Nam học, hướng tiếp cận, lý thuyết, phương pháp nghiên cứu*

**TRỊNH CÔNG SƠN VÀ CÁC CA KHÚC PHẢN CHIẾN TRƯỚC 1975**

**(Nhìn từ diễn ngôn về thân phận con người trong chiến tranh)**

**TS. Nguyễn Thị Quốc Minh**

Khoa Văn học, Trường ĐHKHXH&NV – ĐHQG TPHCM

[quocminh1212@hcmussh.edu.vn](mailto:quocminh1212@hcmussh.edu.vn)

**Tóm tắt**

Trịnh Công Sơn (1939-2001) đã từ giã cõi trần 20 năm, nhưng những ca khúc của ông vẫn còn sống mãi trong lòng người Việt Nam và nhiều nước trên thế giới. Ca khúc của Trịnh Công Sơn có hai phần: trước 1975 và sau 1975. Trước 1975 ca khúc của ông có hai chủ đề lớn: một là tình yêu và thân phận; hai là các ca khúc phản chiến. Trong chiến tranh Việt Nam, ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn có sức lay động mạnh mẽ, vượt ra khỏi ranh giới Việt Nam, được hát lên trong phong trào phản chiến ở Nhật, Mỹ, châu Âu. Các ca khúc phản chiến chiếm số lượng đáng kể trong sự nghiệp sáng tác của Trịnh Công Sơn, bao gồm các tập bài hát: Ca khúc da vàng (1967), Kinh Việt Nam (1968), Ta phải thấy mặt trời (1969) và Phụ khúc da vàng (1972). Ca từ các bài hát của ông thực sự là những bài thơ - những tác phẩm văn học. Đã có nhiều bài viết, nhiều cuốn sách viết về Trịnh Công Sơn, trong đó có nhiều bài đã nghiên cứu về các ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn, tranh luận về lập trường phản chiến của ông. Tuy nhiên vấn đề này rất phức tạp, chưa thể có tiếng nói cuối cùng. Bài viết này tiếp cận ca từ các ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn từ lý thuyết Phân tích diễn ngôn (Discourse analysis) - một lý thuyết đang được chú ý trong những năm gần đây, để tìm hiểu ý nghĩa, giá trị, lập trường tác giả trong các ca khúc đó.

*Từ khóa: Trịnh Công Sơn, Nhạc Trịnh, Chiến tranh Việt Nam, Ca nhạc phản chiến, Văn học phản chiến*

**TRINH CONG SON AND ANTIWAR SONGS BEFORE 1975**

**(under the perspective of discourse analysis on the conditions of people  
in the war times)**

**Abstract**

Trinh Cong Son (1939 – 2001) had passed away for nearly 20 years; however, his songs have still been eternal in the hearts of Vietnamese and foreigners who love music. Trinh Cong Son’s songs could be grouped into two categories, the ones written before 1975 and the ones after 1975. The former was again divided into two

large themes: first about love and people's conditions and second antiwar songs. During the war times in Vietnam, his antiwar songs were of strong influence and spread out of the nation and were sung among the antiwar movements in Japan, the United States and the entire Europe. Such antiwar songs, which made up the considerable amount of his all music composing career, include: *Ca khúc da vàng* (1967), *Kinh Việt Nam* (1968), *Ta phải thấy mặt trời* (1969) và *Phụ khúc da vàng* (1972). The lyrics written in his songs were actually like poems, literature works. Many books and articles about him, including his antiwar songs have been published, discussing about his political points of view in the antiwar songs although there have been no any clear and convincing conclusions about such matter. This article presents an analysis on Trinh Cong Son's antiwar songs under the approach of Discourse analysis, the theory that has been in much interest of use in the past few years, with an aim to have a better understanding of his songs' meanings, values as well as his political points of view in such songs.

*Keywords: Trinh Cong Son, Trinh music, Vietnam war, antiwar songs, antiwar literature*

**DI SẢN TƯ LIỆU CỦA VIỆT NAM TRONG VẤN ĐỀ HỘI NHẬP-  
TRƯỜNG HỢP Ở LÀNG TRƯỜNG LƯU, HÀ TĨNH**

**GS. TSKH. Nguyễn Huy Mỹ**

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học Nga

[nguyenmy49@yahoo.com.vn](mailto:nguyenmy49@yahoo.com.vn)

**Tóm tắt**

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đã tổ chức Hội thảo góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng dự thảo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi). Đến nay trong Luật Di sản văn hóa có hai mục là Di sản vật thể và Di sản phi vật thể, trong khi đó theo quốc tế có ba dạng di sản văn hóa: vật thể, phi vật thể và tư liệu. Trong dự thảo Luật sửa đổi có thêm hẳn mục về Di sản tư liệu, là điều cần thiết để di sản tư liệu của Việt Nam có thể hội nhập cùng di sản tư liệu thế giới. Đến nay, Việt Nam đã có 07 Di sản tư liệu được UNESCO ghi danh gồm 03 Di sản tư liệu Thế giới (MOW) và 04 Di sản tư liệu Khu vực Châu Á/Thái Bình Dương (MOWCAP), trong đó làng Trường Lưu tỉnh Hà Tĩnh có 02 Di sản tư liệu của MOWCAP là Mộc bản Trường học Phúc Giang và sách cổ Hoàng Hoa sứ trình đồ và 01 Di sản Văn bản Hán Nôm làng Trường Lưu, Hà Tĩnh (1689-1943) đã được Ủy ban Quốc gia Chương trình Ký ức Thế giới Việt Nam (UBQG MOW VN) đề cử cho năm 2022. Báo cáo giới thiệu một số cách làm như sưu tầm, nhận diện, bảo tồn và phát huy giá trị, quảng bá với chuyên gia, tổ chức quốc tế, so sánh với các tiêu chí... để Di sản tư liệu của Trường Lưu có thể từ làng quê hội nhập với thế giới.

*Từ khóa: Di sản, tư liệu, mộc bản, sách cổ*

**VIETNAM'S DOCUMENTARY HERITAGES IN INTEGRAL ISSUES –  
CASE IN TRUONG LUU VILLAGE, HA TINH PROVINCE**

**Abstract**

On July 28, 2022, the Ministry of Culture, Sports and Tourism held a workshop to comment on the application for the development of the Law on Cultural Heritage (amended). Up to now, in the Law on Cultural Heritage, there are two sections, namely Tangible Heritage and Intangible Heritage, while internationally there are three types of cultural heritage: tangible, intangible and documentary. In the draft Amendment Law, there is a completely new section on Documentary Heritage, which is necessary for Vietnam's documentary heritage to be able to integrate with the world's documentary heritage. Up to now, Vietnam has 07 Documentary Heritages registered by UNESCO's, including 3 Memory of World

## THE 6<sup>TH</sup> INTERNATIONAL CONFERENCE ON VIETNAMESE STUDIES

---

(MOW) and 4 Memory of Asia/Pacific Region (MOWCAP), of which Truong Luu village, Ha Tinh province, has 02 documentary heritages of MOWCAP, which are Woodblocks of Phuc Giang School and ancient books Hoang Hoa su trinh do, and 01 Han-Nom documentary heritage in Truong Luu village, Ha Tinh (1689-1943) has been nominated by the National Committee of the Memory of the World Vietnam (UBQG MOW VN) for 2022. The report introduces a number of ways such as collecting, identifying, preserving and promoting values, promoting Publicize with experts, international organizations, compare with criteria... so that Truong Luu's documentary heritage can integrate from the village with the world.

*Keywords: Heritage, documents, woodblocks, ancient books*

**MAYA KASHEL – DỊCH GIẢ VĂN HỌC VIỆT NAM Ở UKRAINE**

**PGS. TS. Trần Thị Phương Phương**

Khoa Văn học, Trường ĐHKHXH&NV – ĐHQG TPHCM

[phuongphuongtt@hcmussh.edu.vn](mailto:phuongphuongtt@hcmussh.edu.vn)

**Tóm tắt**

Maya Kashel (1930 – 1987) là một phụ nữ khuyết tật, bị bại liệt từ tuổi thiếu niên. Bằng ý chí và năng lực phi thường, bà đã vượt qua nghịch cảnh, không chỉ tốt nghiệp phổ thông và khoá hàm thụ tiếng Anh bốn năm, mà còn trở thành một nhà thơ, một dịch giả văn học. Bà đặc biệt yêu mến Việt Nam, đã tự học tiếng Việt và dành hơn 20 năm cuối của cuộc đời mình cống hiến cho công việc dịch văn học cổ điển và hiện đại Việt Nam. Bà đã dịch các tác phẩm của Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Nam Cao, Nguyễn Huy Tưởng, Anh Đức, Nguyễn Thi, Đoàn Giỏi, v.v. sang tiếng Ukraine. Đặc biệt, bà đã công bố bản dịch các tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Đình Chiểu là Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (1972) và bản dịch truyện thơ Lục Vân Tiên (1983). Bản dịch Lục Vân Tiên vừa được tái bản ở Ukraine đầu năm 2022, nhân kỷ niệm 200 năm ngày sinh của Nguyễn Đình Chiểu.

Bài viết giới thiệu về tiểu sử và các đóng góp của Maya Kashel đối với việc giới thiệu văn học Việt Nam ở Ukraine.

*Từ khóa: Maya Kashel, tiếng Việt, văn học Việt Nam, Ukraine, dịch thuật, Nguyễn Đình Chiểu*

**Maya Kashel – Ukrainian Translator of Vietnamese Literature**

**Abstract**

Maya Kashel (1930 - 1987) was a disabled woman who suffered from polio since her teenage years. With her extraordinary fortitude and ability, she overcame her own physical adversity, not only graduating from high school and taking a four-year English language course, but also becoming a poet and literary translator. She especially loved Vietnam, learned Vietnamese language by self-study and spent the last 20 years of her life devoting herself to translation of Vietnamese literature. She has translated from Vietnamese into Ukrainian the works by Ho Chi Minh, To Huu, Nam Cao, Nguyen Huy Tuong, Anh Duc, Nguyen Thi, Doan Gioi, etc. Especially, she published the translations of two Nguyen Dinh Chieu's famous works: Van te nghĩa sĩ Can Giuoc and Luc Van Tien. The translation of Luc Van Tien was recently republished in Ukraine, on the 200th anniversary of Nguyen Dinh Chieu's birth.

The article introduces Maya Kashel's biography and her contributions to the

**THE 6<sup>TH</sup> INTERNATIONAL CONFERENCE ON VIETNAMESE STUDIES**

---

introduction of Vietnamese literature in Ukraine.

*Keywords: Maya Kashel, Vietnamese language, Vietnamese literature, Ukraine, translation, Nguyen Dinh Chieu*

**NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN  
CỦA KỊCH BẢN TUỒNG NAM BỘ**

**ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang**

Khoa Việt Nam học, Trường ĐHKHXH&NV – ĐHQG TPHCM

[trangnguyen.hsht@gmail.com](mailto:trangnguyen.hsht@gmail.com)

**Tóm tắt**

Nghệ thuật tuồng ở Nam Bộ đã tồn tại hàng trăm năm, có nhiều thay đổi trước những biến cố thăng trầm của lịch sử nhưng cũng có nhiều ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của người dân nơi đây. Nghệ thuật tuồng nói chung và kịch bản tuồng nói riêng đã trải qua nhiều khó khăn, thách thức nhưng dù trong hoàn cảnh nào, các nghệ sĩ, nhà soạn tuồng cũng không ngừng sáng tạo, thay đổi để thích nghi với thời cuộc, với thị hiếu, thẩm mỹ của công chúng, với xu hướng của thời đại. Chính vì vậy, trong bài viết này chúng tôi muốn tập trung làm rõ những chặng đường phát triển của kịch bản tuồng Nam Bộ để qua đó thấy được quá trình sáng tạo không ngừng và những đóng góp lớn lao của những người nghệ sĩ, soạn giả tuồng. Thông qua bài viết, người đọc cũng có thể hiểu rõ hơn những thay đổi về cách thức, thể loại, nội dung của kịch bản tuồng ở Nam Bộ.

*Từ khóa: Kịch bản, kịch bản tuồng, tuồng phát triển, tuồng, tuồng Nam Bộ*

**XUNG ĐỘT ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH VÀ HỌC ĐƯỜNG TRONG VĂN XUÔI  
VIẾT CHO THIẾU NHI THỜI ĐỔI MỚI**

**ThS. Lê Minh Tú**

Trường THPT Trần Khai Nguyên

[minhtu1010tkn@gmail.com](mailto:minhtu1010tkn@gmail.com)

**Tóm tắt**

“Gia đình” và “học đường” được xem là hai cái nôi văn hoá đầu đời mang ý nghĩa nền tảng, quyết định trong việc hình thành, nuôi dưỡng thể chất lẫn tinh thần của trẻ. Tại Việt Nam, từ sau 1986, hoà chung bước chuyển mình mạnh mẽ của nền văn học dân tộc, các nhà văn tuổi thơ đã tập trung tìm tòi, khám phá những trăn trở thầm kín, những vụn vỡ riêng tư trong đời sống nội tâm của trẻ em khi đứng trước áp lực từ những xung đột, căng thẳng trong đời sống gia đình và trường học. Từ việc phân tích biểu hiện của cảm hứng xung đột, bi kịch trong các mối quan hệ xã hội này, tham luận đúc kết một số đặc trưng cơ bản của mảng văn xuôi thể sự dành riêng cho tuổi nhỏ cùng những lí giải xác tín về nỗ lực cách tân nghệ thuật nước nhà của các cây bút yêu trẻ thời Đổi mới.

*Từ khóa: xung đột gia đình, xung đột học đường, văn xuôi viết cho thiếu nhi thời Đổi mới*

**TẢN ĐÀ VÀ QUAN NIỆM DÂN TỘC TRONG SINH QUYỂN VĂN HÓA –  
VĂN HỌC NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX**

**PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn**

Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

[lavson1059@gmail.com](mailto:lavson1059@gmail.com)

**Tóm tắt**

Trước áp lực cuộc cách mạng xã hội 1945, toàn bộ di sản Tản Đà từng bị đẩy về quá khứ, chỉ còn lại bài thơ Thề non nước gắn với “khối mâu thuẫn lớn” và những khác biệt trong tâm thế tiếp nhận. Bài viết tập trung giải quyết vấn đề quan niệm dân tộc (quan hệ Việt - Pháp, Đông - Tây, dân tộc và thời đại, dân tộc và nhân loại, dân tộc và tiến bộ xã hội) dựa trên sưu tập tư liệu sách, báo chí nửa đầu thế kỷ XX (bao gồm tất cả các bài tựa, bạt, phát biểu cảm tưởng, phân tích, bình luận, bình giảng; các sự kiện gắn với xuất bản, tiếp nhận, trao đổi ý kiến, nhận định, đọc sách, điếm sách, tin sách, tin thơ, giai thoại, thông tin, quảng cáo; các sách văn học sử, chuyên khảo, giáo khoa, giới thiệu chân dung, hồi ức, kỷ niệm của người đương thời bàn về cuộc đời và văn nghiệp Tản Đà). Nhiệm vụ tìm về tiếng nói “người đương thời bàn về Tản Đà” chính là nhằm xác định ý kiến người đồng thời, đồng hành, trong cuộc, trong đúng không khí, môi trường sinh quyển thời Tản Đà mà cảm nhận, ghi nhận và đánh giá về ông. Nhấn mạnh nhận thức của Tản Đà (phát biểu chính luận, sáng tác thơ ca, định hướng giáo dục) về dân tộc trên nền tảng mối quan hệ Việt - Pháp và hiệu ứng dư luận xã hội.

*Từ khóa: Tản Đà, quan niệm dân tộc, sinh quyển văn hóa, văn học nửa đầu thế kỷ XX*

**TAN DA AND NATIONAL CONCEPTION IN THE CULTURAL-  
LITERARY BIOSPHERE IN THE FIRST HALF OF THE 20<sup>TH</sup> CENTURY**  
**Abstract**

Under the pressure of the 1945 social revolution, Tan Da's entire heritage was pushed back to the past, remaining only the poem "The non nuoc" associated with "a huge contradictions" and differences in the attitude to receive. The article focuses on solving the problem of national conception (Vietnam - France relations, East - West, nation and era, nation and humanity, nation and social progress) based on the collection of books, newspapers in the first half of the twentieth century (including all titles, statements of feelings, analysis, commentary, commentary; events

## THE 6<sup>TH</sup> INTERNATIONAL CONFERENCE ON VIETNAMESE STUDIES

---

associated with publication, reception, exchange of ideas, receipt of identification, reading, book review, news, poetry news, anecdotes, information, advertising; literary and historical books, monographs, textbooks, portrait introduction, memoirs, memories of contemporaries discussed about Tan Da life and his works)... The task of finding the voice of "contemporaries talking about Tan Da" is to determine people's opinions who are contemporaries, companions, insiders, in the right atmosphere and biosphere environment of Tan Da period, that they can appreciate and evaluate him. Emphasizing Tan Da's awareness (statement speech, poetry making, educational orientation) regarding the nation on the basis of Vietnam - France relationship and social public opinion effects.

*Keywords: Tan Da, national conception, cultural biosphere, literature in the first half of the twentieth century*

**TIỂU BAN 3: LỊCH SỬ – XÃ HỘI**

**NHỮNG BƯỚC CHUYỂN VỀ TƯ DUY - CHÍNH SÁCH –  
ĐỜI SỐNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI (1986-2022):  
THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

**TS. Phạm Thị Lương Diêu**

Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

[ptldieu@gmail.com](mailto:ptldieu@gmail.com)

**TS. Phạm Nguyên Phương**

Trường ĐH Bách khoa Hà Nội

**Tóm tắt**

35 năm kể từ khi thực hiện công cuộc Đổi mới (1986-2022), nền kinh tế Việt Nam đã có những bước phát triển ngoạn mục. Từ chỗ là một nước nghèo, lạc hậu, thiếu ăn, Việt Nam đã vươn lên đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu. Tất cả các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ đều ngày càng phát triển, góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của đất nước. Có được những thành công như vậy chính là do Việt Nam đã có những bước chuyển quan trọng về tư duy kinh tế, dẫn đến những thay đổi tích cực trong chính sách kinh tế, từ đó thúc đẩy đời sống kinh tế đi lên...

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tập trung làm rõ thực trạng của những bước chuyển này trong thời kỳ Đổi mới, chỉ ra những thành tựu đã đạt được, phân tích những hạn chế, thiếu sót và nêu lên các giải pháp nhằm thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng, phát triển bền vững.

*Từ khóa: tư duy kinh tế, chính sách kinh tế, đời sống kinh tế, kinh tế tư nhân, phát triển bền vững, Đảng lãnh đạo, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước*

**SỨ MỆNH GIÁO DỤC CỦA ĐẠO CÔNG GIÁO  
DƯỚI THỜI VIỆT NAM CỘNG HÒA (1956-1975)**

**TS. Marie Lê Thị Hoa**

Viện Nghiên cứu Đông Á của Pháp

L'Institut français de recherche sur l'Asie de l'Est,

Université Paris et Inalco, CNRS.

[jeanhwa@gmail.com](mailto:jeanhwa@gmail.com)

**Tóm tắt**

"Chủ đề của giáo dục là một trong những chủ đề được Giáo Hội Công giáo quan tâm đặc biệt không chỉ đến từ quan điểm Kitô giáo. Nhưng một số câu hỏi được đặt ra trong lịch sử đương đại: làm thế nào để truyền tải những giá trị nền tảng của một nền văn hóa cho các thế hệ mới? Bài tham luận này không nhằm mục đích tìm hiểu giá trị giáo dục của các trường tư thục Công giáo trong lịch sử Ki-tô giáo đến Việt Nam, từ đầu thế kỷ XVI, và phát triển mạnh đặc biệt dưới thời Pháp thuộc địa tới năm 1945. Nhưng chú trọng đặc biệt tới sự phát triển hệ thống giáo dục Công giáo vừa tiếp nối nền văn hóa Phương Tây, vừa hội nhập văn hóa Viễn Đông dưới thời Việt Nam Cộng Hòa (1956-1974), đồng thời phản ánh được phương pháp sư phạm, hầu đáp ứng được chất lượng giảng dạy và tiếp cận được chương trình giáo dục quốc gia từ cấp I đến cấp đại học.

Để tìm hiểu sự hội nhập của người ki-tô giáo Việt Nam qua công trình giáo dục tư Công giáo dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, chúng ta sẽ tập chung phân tích vai trò của nhà nước đối với hệ thống giáo dục tư và vai trò của Giáo Hội trong việc sử dụng chính xác các công cụ giao tiếp và giảng dạy dựa trên các tài liệu được lưu giữ trong Văn khố Bờ Ngoại Giáo Pháp tại Paris."

*Từ khóa: Lịch sử, chính trị, giáo dục, công giáo và văn hóa*

**VIỆT NAM TRONG CHÍNH SÁCH “HƯỚNG NAM MỚI” CỦA HÀN QUỐC  
DƯỚI THỜI TỔNG THỐNG MOON JAE-IN (2017 - 2022)**

**HVCH. Lê Trần Quang Khang**

Khoa Lịch sử, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[letranquangkhang@gmail.com](mailto:letranquangkhang@gmail.com)

**Tóm tắt**

Năm 2017, Tổng thống Hàn Quốc Moon Jae-in công bố chính sách “hướng Nam mới” nhằm thúc đẩy quan hệ với các nước ASEAN dựa trên ba trụ cột: con người (people), thịnh vượng (prosperity) và hoà bình (peace). Từ khi Hàn Quốc công bố chính sách “hướng Nam mới”, quan hệ giữa Hàn Quốc và Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế và văn hoá - xã hội. Trong bối cảnh Việt Nam là “trọng tâm” trong chính sách “hướng Nam mới” của Hàn Quốc và hướng đến kỷ niệm 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Hàn Quốc - Việt Nam (1992 - 2022), bài viết luận bàn về vị thế, vai trò của Việt Nam trong chính sách này của Hàn Quốc, phân tích những thành công, hạn chế, đồng thời đưa ra một số nhận xét, đánh giá và liên hệ với ngoại giao Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

*Từ khóa: Việt Nam, Hàn Quốc, chính sách “hướng Nam mới”*

**VIETNAM IN KOREA’S “NEW SOUTHERN” POLICY  
UNDER MOON JAE-IN PRESIDENT (2017 - 2022)**

**Abstract**

In 2017, South Korean President Moon Jae-in announced the “New Southern” policy to promote relations with ASEAN countries based on three pillars: people, prosperity and peace). Since the Republic of Korea announced the “New Southern” policy, the relationship between Korea and Vietnam has achieved many outstanding achievements in the fields of politics - diplomacy, economy and culture - society. In the context that Vietnam is the “focus” of the “New Southern” policy of the Republic of Korea and towards the 30th anniversary of the establishment of diplomatic relations between Korea and Vietnam (1992 - 2022), the article discusses Vietnam's position and role in this policy of Korea, analyze its successes and limitations, and make some comments, assessments and contacts with Vietnam's diplomacy in the current context.

*Keywords: Republic of Korea, Vietnam, The New Southern Policy (NSP)*

**VAI TRÒ CỦA NGƯỜI CAMPUCHIA GỐC VIỆT TRONG VIỆC THúc  
ĐẨY VÀ PHÁT TRIỂN QUAN HỆ HỢP TÁC GIỮA HAI QUỐC GIA  
LÁNG GIỀNG CAMPUCHIA-VIỆT NAM**

**NCS. Uch Leang**

Vụ Nghiên Cứu Á-Phi và Trung Đông, Viện Quan hệ Quốc tế,

Viện Hàn Lâm Hoàng gia Campuchia

[uchleang@gmail.com](mailto:uchleang@gmail.com)

**Tóm tắt**

"Cách đây 55 năm, Campuchia và Việt Nam chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao (24/6/1967). Trong 55 năm ấy, dù chịu tác động của nhiều yếu tố khác nhau, dù có những mâu thuẫn bất đồng, thậm chí là xung đột, quan hệ Campuchia-Việt Nam vẫn không ngừng phát triển. Đặc biệt, kể từ khi Vương quốc Campuchia được tái lập vào năm 1993, quan hệ giữa hai nước đã bước vào một giai đoạn phát triển mới trên tinh thần láng giềng bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và vì lợi ích chung của nhân dân hai nước. Từ năm 2005, quan hệ Campuchia-Việt Nam được nâng lên một tầm cao mới theo phương châm Láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài. Với phương châm này, quan hệ giữa hai nước vừa đi theo chiều rộng, từng bước đi vào chiều sâu có hiệu quả hơn, mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân hai nước.

Quan hệ Campuchia-Việt Nam từ năm 1993 đến nay đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đúng như Tuyên bố chung Campuchia-Việt Nam ngày 25/4/2017 đã nêu: “Hai bên bày tỏ vui mừng trước sự phát triển tốt đẹp của mối quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa Campuchia và Việt Nam trong thời gian qua, mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân hai nước”.

Liên quan đến vấn đề nâng cao đời sống của cộng đồng người Campuchia gốc Việt Nam cũng được hai nước quan tâm giải quyết. Từ năm 1995, hai nước đã tiến hành các vòng đàm phán cấp chuyên viên về vấn đề người Việt ở Campuchia. Trong những năm gần đây, với những nỗ lực của Việt Nam, Campuchia đã có một số hành động tích cực đối với cộng đồng này. Tháng 3/2003, Bộ Nội vụ Campuchia đã cấp giấy phép hoạt động cho Hội Việt kiều ở Campuchia, cho phép thành lập 19 chi hội trên tổng số 25 tỉnh thành ở Campuchia. Tháng 3/2011, Bộ Nội vụ Campuchia cho phép Hội Việt kiều đổi tên thành Tổng hội người Campuchia gốc Việt Nam. Hiện nay, Tổng hội là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Mặt trận Đoàn kết Phát triển Tổ quốc Campuchia. Ngoài ra, phía Campuchia cũng tạo một số điều kiện thuận lợi khác như cấp giấy tờ thủ tục hành chính, cấp đất để

xây trường học và nhà văn hóa cộng đồng cho người Campuchia gốc Việt Nam. Có thể nói, với những nỗ lực của Việt Nam và sự phối hợp từ phía Campuchia, đời sống của cộng đồng người Campuchia gốc Việt Nam đã từng bước được cải thiện.

Vì vậy, người Campuchia gốc Việt Nam đã từng sống hoặc sinh sống tại Campuchia từ sau thời kỳ Việt Nam Đổi Mới 1986 đến nay đã và đang trải qua những điểm thuận lợi và khó khăn trên đất nước chùa tháp đã góp phần như thế nào trong việc thúc đẩy và phát triển quan hệ hợp tác giữa hai quốc gia láng giềng Campuchia-Việt Nam?"

*Từ khóa: Campuchia, Việt Nam, vai trò, quan hệ, hợp tác, láng giềng, thành tựu*

TRIẾT LÝ “THỰC HỌC THỰC NGHIỆP”  
CỦA ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM  
CHO GIÁO DỤC VIỆT NAM HIỆN NAY

**ThS. Trần Thị Ngọc Mai**

Khoa Việt Nam học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[maittn@hcmussh.edu.vn](mailto:maittn@hcmussh.edu.vn)

**Tóm tắt**

Hiện nay Việt Nam đang tiến hành mạnh mẽ công cuộc cải cách giáo dục, gắn việc học với thực tiễn, đó chính là mục tiêu mà mô hình Đông Kinh nghĩa thực đã đặt ra từ cả trăm năm trước. “Thực học thực nghiệp” của Đông Kinh nghĩa thực là một gợi mở cho giáo dục Việt Nam hiện nay. Trong bài nghiên cứu này chúng tôi không mong muốn sẽ trình bày được hết được những tiến bộ trong tư tưởng cải cách giáo dục của Đông Kinh nghĩa thực mà chỉ xin tìm hiểu về triết lý “thực học và thực nghiệp” (Học để làm gì? Học cái gì? Và học như thế nào?). Từ đó có một vài suy nghĩ, so sánh đối chiếu với nền giáo dục của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

*Từ khóa: Đông Kinh nghĩa thực, thực học thực nghiệp, giáo dục Việt Nam*

**Abstract**

Vietnam has been vigorously conducting educational reform, linking learning to practice, which was the learning outcome that Dong Kinh Nghia Thuc model set out hundreds of years ago. Dong Kinh Nghia Thuc's "practical learning" is a suggestion for current education in Viet Nam. In this study, we would rather study the philosophy of “practical learning and practical work” (Why do we learn?, What and how do we learn?) than present all the advances of the thoughts on educational reform of Dong Kinh Nghia Thuc. We are giving some thoughts, comparison and contrast between Dong Kinh Nghia Thu educational philosophy with one of Vietnamese current education.

*Keywords: Dong Kinh Nghia Thuc, practical learning and practical work, Vietnamese education*

**TÁC ĐỘNG CỦA LAO ĐỘNG DI CƯ ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ -  
XÃ HỘI Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**TS. Đỗ Cao Phúc**

Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường ĐH Sài Gòn

[caophucdo@gmail.com](mailto:caophucdo@gmail.com)

**Tóm tắt**

Là trung tâm kinh tế - xã hội của cả nước nên Thành phố Hồ Chí Minh tập trung nhiều doanh nghiệp với nhiều lĩnh vực ngành nghề và dịch vụ đa dạng. Từ những nghề cần đòi hỏi có trình độ cao đến các loại công việc lao động phổ thông. Mặc dù Thành phố đã quá tải về dân số, hạ tầng, ô nhiễm môi trường, tình trạng kẹt xe, ùn tắc giao thông gia tăng, nhưng với nhiều người lao động sống ở nông thôn và các tỉnh thành khác thì Thành phố Hồ Chí Minh vẫn là địa điểm đầy hứa hẹn. Họ từng bước trở thành lực lượng lao động sản xuất quan trọng đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong quá trình hội nhập khu vực và thế giới.

*Từ khoá: di cư, đô thị, công nhân lao động, tác động*

**PHÂN TÍCH HÀM NGHĨA KINH TẾ – CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI  
CỦA THÀNH NGỮ “BUÔN LỚN HÙN TO” TRÊN BÁO NÔNG CỎ MÍN ĐÀM**

**TS. Huỳnh Vĩnh Phúc**

Viện KHXH vùng Nam Bộ

[hyfu@ymail.com](mailto:hyfu@ymail.com)

**TS. Nguyễn Thị Kim Phượng**

Khoa Việt Nam học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[kimphuongvns@hcmussh.edu.vn](mailto:kimphuongvns@hcmussh.edu.vn)

**Tóm tắt**

Đầu thế kỷ XX, sự giao lưu Đông Tây, cùng cách chủ trương thuộc địa hóa Pháp, đã đưa đến sự xuất hiện và phát triển ngày càng rầm rộ của các hoạt động kinh tế tư bản tại Nam Bộ. Điều này đã dẫn đến những chuyển biến trong tư duy và nhận thức kinh tế – xã hội của người dân, nhằm thích ứng với những điều kiện kinh tế – xã hội mới trong môi trường hoạt động kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Thông qua việc trình bày và phân tích những tiền đề kinh tế, xã hội tạo nên sự chuyển biến nhận thức kinh tế của người dân; phân tích hàm nghĩa kinh tế – xã hội của thành ngữ “buôn lớn hùn to” trên báo Nông cỏ mìn đàm, bài viết phác họa rõ nét những chuyển biến liên quan đến nhận thức kinh tế – xã hội của người Nam Bộ, từ truyền thống sang hiện đại của thuộc các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội. Qua đó, chúng ta rút ra được những kinh nghiệm lịch sử có thể tham khảo trong việc phát triển kinh tế – xã hội ở thời hiện đại.

*Từ khóa: Chuyển biến nhận thức kinh tế – xã hội, hoạt động kinh tế tư bản tại Nam Bộ, phong trào xã hội*

**ANALYSIS OF THE ECONOMIC - POLITICAL - SOCIAL MEANINGS  
OF THE IDIOM "BIG TRADE BIG CAPITAL CONTRIBUTION"  
IN THE NÔNG CỎ MÍN ĐÀM NEWSPAPER**

**Abstract**

In the early 20th century, because of the exchange between the East and the West as well as the French colonial regime, the capital economic progress accelerated. As a result, the Vietnamese shifted their socio-economic perception to compromise on the new economic setting.

This article will display the changes in the Southern Vietnamese people's mind of the capitalist economy by illustrating and analyzing the premise of

economy and society in the changing perspective of the people, also by deciphering the connotations of the idiom: “buôn lớn hùn to” published on Nông cổ mìn đàm. Furthermore, the article will reflect on how the Southern society reacted to the transformation of being from tradition to modern through their conception, culture, economy, politics, and society. This study could contribute to the historical cornerstone for today’s socio-economic development of the nation.

*Keywords: transformed socio-economic perception, capitalist economy in Southern Vietnam, social movement*

THE DRAFT OF THE CONSTITUTION OF IMPERIAL VIETNAM  
PREPARED ON APRIL 1945

PhD. Student Teshigawara Akira

Graduate School of Global Studies, Doctoral Program,

Tokyo University of Foreign Studies

[teshi.ak@gmail.com](mailto:teshi.ak@gmail.com)

**Abstract**

The draft of the constitution of Imperial Vietnam, prepared on April 3, 1945, (hereafter abbreviated as constitution1945) but never ratified, was found at the Vietnam National Archive Center IV in Da Lat. As I visited Archive IV. The content of the draft of constitution was a progressive constitutional draft based on democracy, which reflected more democratic rights than Constitution de la République française de 1848 and Constitution de la République française 1875. A distinctive feature of the draft constitution was its similarity to the Constitution of Imperial Japan 1889 (hereafter abbreviated as Constitution Japan1889. In other words, there are many point common to Constitution of Japan at that time had many things in common, such as the Imperial House Law, the authority of the emperor, the rights of the people, the procedures of the Diet, and the procedures of the courts. This paper examines the creation process of Draft constitution1945 and considers the relationship with the Constitution of Democratic Republic of Vietnam 1946. And, as far as the author know, it can be said that it was the first and only draft constitution of Vietnam during the colonial period. So, the author will introduce the draft constitution 1945, and it will be very helpful to those studying the constitutional history of Vietnam.

*Keywords: draft of Constitution of Vietnam 1945, Constitution of Democratic Republic of Vietnam 1946, the Constitution of Japan 1889, Constitution de la République française 1875, Phan Anh, Yokoyama Masayuki*

**VỊ TRÍ VÀ VAI TRÒ CỦA SÀI GÒN - GIA ĐỊNH  
TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CHỮ QUỐC NGỮ Ở VIỆT NAM**

**TS. Huỳnh Đức Thiện**

Khoa Việt Nam học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[thienhuynhduc@hcmussh.edu.vn](mailto:thienhuynhduc@hcmussh.edu.vn)

**Tóm tắt**

Ngày 1/1/1879 chính quyền thực dân Pháp chính thức ra nghị định bắt buộc Việt Nam phải dùng “tiếng An Nam bằng mẫu tự Latin” trong hệ thống hành chính, với ý định tách người Việt hoàn toàn ra khỏi ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Hoa. Để chữ Quốc ngữ đến với đông đảo người Việt Nam, Pháp đã mở ở Sài Gòn – Gia Định một số trường học. Song song với việc mở trường dạy học, người Pháp còn cho mở báo chí bằng chữ Quốc ngữ ở Sài Gòn. Chính những tờ báo này đã góp phần không nhỏ vào việc cổ động học chữ Quốc ngữ, khuyến khích theo tân học và tạo nền móng cho sự nở rộ của báo chí Việt Nam sau này. Chính vì vậy có thể nói Sài Gòn – Gia Định là cái nôi, là vùng đất có vị trí và vai trò quan trọng trong quá trình phát triển chữ Quốc ngữ ở Việt Nam.

*Từ khóa: vị trí, vai trò, quá trình phát triển, chữ Quốc ngữ*

**ROLE AND LOCATION OF SAI GON - GIA DINH  
IN THE DEVELOPMENT OF VIETNAMESE LANGUAGE**

**Abstract**

On January 1, 1879, the French colonial government officially issued a decree forcing Vietnam to use "Annamese in Latin letters" in the administrative system, with the intention of completely separating the Vietnamese from the influence of the French. Chinese culture. In order for the script of Vietnamese language to reach a large number of Vietnamese people, France has opened a number of schools in Saigon - Gia Dinh. In parallel with the opening of a teaching school, the French also opened a newspaper in Vietnamese language script in Saigon. It was these newspapers that made a significant contribution to promoting the study of Vietnamese language script, encouraging new learning and creating the foundation for the flourishing of Vietnamese newspapers in the future. Therefore, it can be said that Saigon - Gia Dinh is the cradle, a land with an important position and role in the development of Vietnamese language script in Vietnam.

*Keywords: position, role, evolution process, Quoc Ngu script*

TIỂU BAN 4: VIỆT NGỮ HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TIẾNG VIỆT

**GIÁO DỤC NGÔN NGỮ TRỰC TUYẾN: THỬ THÁCH VÀ CƠ HỘI**

**TS. Nguyễn Hoài Thu Ba**

Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa châu Á, Trường ĐH California – Los Angeles

[tbnguyen@humnet.ucla.edu](mailto:tbnguyen@humnet.ucla.edu)

**GS.TS. Lê Lưu Oanh**

Trường ĐH Sư Phạm Hà Nội

**Tóm tắt**

"Bài viết đề xuất thử nghiệm đánh giá năng lực qua tình huống thực tế đối với các môn kỹ năng tiếng Việt ở bậc đại học. Trong bài viết, chúng tôi phân tích và chứng minh lợi ích của việc kiểm tra đánh giá qua tình huống thực tế, cung cấp ví dụ về cách xây dựng các loại đánh giá đó trong các khóa học tiếng Việt.

Cho đến nay, việc kiểm tra, đánh giá các kỹ năng ngôn ngữ học được của sinh viên thường được thực hiện trong lớp học theo thể thức và được tiêu chuẩn hóa. Sinh viên buộc phải cố gắng ghi nhớ các quy tắc từ vựng và ngữ pháp để vượt qua bài kiểm tra và “trả lại thầy cô” những gì đã học sau khi kết thúc học phần hoặc khóa học. Thực tế là năng lực ngôn ngữ có thể mất dần, vì cách đánh giá này chỉ yêu cầu sinh viên: “nhớ” và “hiểu”. Đánh giá qua tình huống thực tế không chỉ đo lường trình độ ngôn ngữ của sinh viên ở mức độ cao hơn, phù hợp với đối tượng là sinh viên – “vận dụng”, mà còn cải thiện việc học tập của học sinh bằng cách cung cấp một môi trường tích cực và thú vị để họ học tập và nghiên cứu. Người học được luyện tập và thực hành ngôn ngữ, đồng thời xây dựng năng lực và trình độ ngôn ngữ của riêng mình, phù hợp với nhu cầu và sở thích của họ dưới sự kiểm soát và quản lý của chính mình. Đây là một lợi thế nếu việc học và kiểm tra chuyển sang hình thức trực tuyến."

*Từ khóa: ngôn ngữ, giáo dục, trực tuyến, thử thách, cơ hội*

**THẢO LUẬN THÊM VỀ VAI TRÒ  
CỦA YẾU TỐ CHỈ LƯỢNG TRONG DANH NGỮ**

**TS. Nguyễn Văn Phở**

Khoa Việt Nam học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[nguyenvanpho5@gmail.com](mailto:nguyenvanpho5@gmail.com)

**Tóm tắt**

Trước những năm 1980, các nhà nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt cho rằng trung tâm của danh ngữ tiếng Việt là danh từ khối. Từ những năm 1980, lập trường của các nhà ngữ pháp tiếng Việt thay đổi. Theo đó, trung tâm của danh ngữ là danh từ đơn vị. Cũng từ những năm 1980, Cao Xuân Hạo cho rằng nên xem lượng ngữ là trung tâm của danh ngữ. Quan điểm đó chưa được chứng minh một cách thuyết phục, dù rằng có nhiều nhà nghiên cứu ủng hộ. Trong bài viết này tác giả chứng minh rằng trung tâm của danh ngữ tiếng Việt chính là lượng ngữ. Trong bài viết, tác giả cũng xem xét lại khái niệm phân lượng ngữ.

*Từ khóa: lượng ngữ, danh ngữ, trung tâm danh ngữ, phân lượng ngữ*

**DẠY NGHE HIỂU TIẾNG VIỆT THEO QUAN ĐIỂM TƯƠNG TÁC**

**TS. Nguyễn Hoàng Phương & TS. Trần Trọng Nghĩa**

Khoa Việt Nam học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[nguyenhoangphuong@hcmussh.edu.vn](mailto:nguyenhoangphuong@hcmussh.edu.vn)

**Tóm tắt**

Phần lớn các hoạt động nghe trong giao tiếp xã hội thực tế của con người ít nhiều có mang tính chất tương tác. Vì thế, quan điểm tăng cường tính tương tác cho hoạt động nghe trong quá trình dạy học tiếng đã được đề xuất trong nhiều công trình nghiên cứu khoa học trên thế giới và áp dụng vào thực tiễn dạy học và đánh giá năng lực ngôn ngữ. Trên cơ sở kế thừa những thành quả đó, chúng tôi tìm hiểu việc vận dụng quan điểm tương tác vào việc dạy nghe hiểu tiếng Việt. Trong đó, trước hết, chúng tôi khảo sát quan điểm về tương tác trong các công trình nghiên cứu, tài liệu giảng dạy, đánh giá năng lực nghe tương tác trong dạy học tiếng. Sau đó, chúng tôi lần lượt làm rõ bản chất của hoạt động nghe hiểu, dạy nghe hiểu tiếng Việt, Các yếu tố chi phối mức độ hiểu của người nghe, những điểm khác nhau giữa dạy nghe hiểu tiếng Việt theo quan điểm tương tác với dạy nghe hiểu tiếng Việt truyền thống. Nghiên cứu này bàn về các triển vọng về việc vận dụng và cập nhật quan điểm mới, hữu ích cho việc dạy học nghe hiểu tiếng Việt, hướng đến mang lại hiệu quả tối ưu cho việc học nghe hiểu tiếng Việt của người nước ngoài.

*Từ khóa: tương tác, dạy học tiếng, nghe hiểu, tiếng Việt, đánh giá, nghe tương tác*

**TEACHING VIETNAMESE LISTENING COMPREHENSION  
WITH INTERACTIVE PERSPECTIVE**

**Abstract**

Most listening activities in practical human social communication are more or less interactive in nature. Therefore, the viewpoint of enhancing interaction for listening activities in the process of language teaching and learning has been proposed in many scientific research works around the world and applied to teaching and learning practice and language competence assessment. On the basis of inheriting these achievements, we explored the application of interactive perspective in teaching Vietnamese listening comprehension. In which, first of all, we examined the perspective of interaction in research works, teaching materials and tests assessing interactive listening competence in language teaching and learning. After that, we, in turn, clarify the nature of listening comprehension, teaching Vietnamese listening comprehension, factors influencing the listener's

understanding, the differences between teaching Vietnamese listening comprehension from teaching it with traditional point of view. Through this study, the prospect of applying and updating new and useful perspectives for teaching and learning Vietnamese listening comprehension skills is presented and clarified in order to achieve optimal effectiveness for foreigners in learning Vietnamese listening comprehension.

*Keywords: interactive, language teaching and learning, listening comprehension, Vietnamese, assessment, interactive listening competence*

**HỆ THỐNG TỪ VỰNG HÁN HÀN (HANJA-EO 한자어)  
VÀ KHẢ NĂNG ỨNG DỤNG VÀO VIỆC GIẢNG DẠY TIẾNG VIỆT  
CHO HỌC VIÊN HÀN QUỐC**

**TS. Nguyễn Phương Thảo**

Viện Văn học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

[lapthao86@gmail.com](mailto:lapthao86@gmail.com)

**Tóm tắt**

Giới thiệu hệ thống từ vựng Hán Hàn (Hanja-eo 한자어, 漢字語) trong tiếng Hàn và mối quan hệ đối sánh gần gũi với gốc từ Hán Việt trong tiếng Việt qua các cách cấu thành âm vị vay mượn từ gốc Hán. Bài viết phân tích, nhấn mạnh các cấp độ và tương quan so sánh (từ vựng Hán Hàn đơn/ Hán Hàn kép gốc Hán, cách đọc Hán Hàn và Hán Việt, ngữ âm học, âm vị học)... Trên cơ sở đó, đưa ra nhận xét về cách đọc, vẽ sơ đồ tư duy biểu hiện sự tương đồng phát âm giữa các từ vựng Hán Hàn (chiếm 70% từ vựng tiếng Hàn) và Hán Việt (chiếm 80% từ vựng tiếng Việt), xác định ý nghĩa của phương pháp giảng dạy tiếng Việt qua Hanja, giúp học viên Hàn Quốc nắm bắt và hệ thống hóa vốn từ vựng tiếng Việt một cách khoa học, khả dụng, phù hợp trong thời đại hội nhập, phát triển, toàn cầu hóa tiếng Việt thế kỷ XXI hiện nay.

*Từ khóa: Hán Hàn (hanja-eo), Hán Việt, từ gốc Hán, âm vị học*

**KHÔNG GIAN TÂM TRÍ VÀ ỨNG DỤNG  
TRONG PHÂN TÍCH ẢN DỤ VĂN CHƯƠNG TIẾNG VIỆT  
(TRƯỜNG HỢP TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN NGỌC TƯ)**

**ThS. Trần Thị Minh Thu**

Khoa Ngôn ngữ học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[minhthutt@hcmussh.edu.vn](mailto:minhthutt@hcmussh.edu.vn)

**Tóm tắt**

Bài viết giới thiệu các khái niệm cơ bản và nguyên lý truy cập của lý thuyết không gian tâm trí (Mental Spaces, Fauconnier, 1994). Từ đó, bước đầu ứng dụng phân tích một số ản dụ văn chương trong tác phẩm Nguyễn Ngọc Tư; trên cơ sở của quan điểm nhận thức luận về ản dụ (so sánh với quan điểm truyền thống).

*Từ khóa: không gian tâm trí, ản dụ, tri nhận, Nguyễn Ngọc Tư*

**DỤNG HỌC VÀ GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ**

**TS. Nguyễn Hoàng Trung**

Khoa Ngôn ngữ học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[hoangtrung@hcmussh.edu.vn](mailto:hoangtrung@hcmussh.edu.vn)

**Tóm tắt**

Dụng học nghiên cứu cách thức chúng ta chuyển tải thông tin thông qua hoạt động giao tiếp. Thông tin hay nghĩa đó được biểu thị chủ yếu bằng các yếu tố ngôn ngữ và thông tin hay nghĩa đó chịu sự chi phối và ảnh hưởng của chu cảnh giao tiếp, mối quan hệ giữa những người giao tiếp, cũng như nhiều yếu tố xã hội khác. Vai trò của dụng học rất quan trọng trong giảng dạy ngoại ngữ và tiếng Việt như một ngoại ngữ (L2). Giao tiếp bằng một ngôn ngữ không là sử dụng quy tắc ngữ pháp và từ vựng của ngôn ngữ đó mà còn phải huy động kiến thức liên quan đến giao tiếp liên văn hóa cũng các yếu tố ngoại ngôn ngữ khác. Năng lực dụng học là yếu tố quan trọng giúp giao tiếp suôn sẻ và thành công. Do đó, loại kiến thức này vô cùng quan trọng và cần phải trở thành một nội dung quan yếu trong giảng dạy tiếng Việt như một L2.

*Từ khóa: dụng học, ngữ học dụng học, dụng học xã hội, năng lực dùng học và chu cảnh giao tiếp*

**Abstract**

Pragmatics is the way we convey the meaning through the communication. The meaning is mainly expressed by verbal elements as well as extra-linguistic tools and it varies according to the context, to the relationship between utterers, also to many other social factors. Therefore, a successful communication requires not only grammatical and lexical knowledge, but pragmatic ability. The pragmatic ability or competence must include an understanding socio-cultural behavior in a given culture in a specific context. It's its importance in verbal communication that teachers and international learners of Vietnamese should consider pragmatic competence integrated part of Vietnamese learning and teaching.

*Keywords: pragmatics, pragmalinguistics, sociopragmatics, pragmatic competence and context*

**METAPHTONOMY IN CONCEPTUAL DOMAIN OF UTENSILS**

**NCS. Nguyễn Đình Việt**

Trường THCS Vinschool - KĐT Vinhomes Golden River

[viet.guitarlead@gmail.com](mailto:viet.guitarlead@gmail.com)

**TS. Huỳnh Thị Hồng Hạnh**

Khoa Ngôn ngữ học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[hanhhuynhussh@gmail.com](mailto:hanhhuynhussh@gmail.com)

**Abstract**

From the perspective of cognitive linguistics, metaphor and metonymy are identified as conceptualization phenomenon and cognitive processes based on human experience. Both conceptual metaphor and conceptual metonymy are established through the mapping of concept from source to target. In the practice of language utilization, the boundary between metaphor and metonymy is not always clearly separated, sometimes overlapping, which is called the phenomenon metaphonymy. In this article, we delve deeper into the metaphonymy model through some concepts of the utensils domain in Vietnamese; analyze and clarify the relationship between metaphor and metonymy in conceptualizing the world; point out interesting and unique features in the ways Vietnamese people visualize utensils. Moreover, we want to emphasize that the study of metaphonymy helps adding the ability to explain cognitive models, the mapping mechanism between concepts and the conceptual domain.

*Keywords: metaphonymy, cognitive, utensils, conceptual metaphors, conceptual metonymy*

**BIẾN ĐỔI XÃ HỘI-BIẾN ĐỔI NGÔN NGỮ**

**(Nghiên cứu trường hợp tiếng Nga hiện đại trong những năm gần đây.**

**Đối chiếu với tiếng Việt trong một số luận điểm)**

**PGS.TS. Trương Văn Vỹ**

Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[truongvanvy@hcmussh.edu.vn](mailto:truongvanvy@hcmussh.edu.vn)

**Tóm tắt**

Tiếng Nga hiện nay đang trong một quá trình biến đổi hết sức mạnh mẽ. Trong bài viết này chúng tôi cố gắng chỉ ra những tác động và ảnh hưởng to lớn từ phía xã hội đối với các cấp độ ngôn ngữ trong tiếng Nga hiện đại. Đặc biệt, chúng tôi dành sự chú ý đến Từ vựng, là cấp độ ngôn ngữ có sự biến đổi mạnh mẽ nhất. Nguyên nhân những biến đổi ngôn ngữ này chủ yếu xuất phát từ rất nhiều những nhân tố xã hội, hiện tượng xã hội, vấn đề xã hội, quá trình xã hội đang diễn ra mạnh mẽ trong xã hội nước Nga hiện nay. Sau đó chúng tôi tiến hành so sánh và đối chiếu với tiếng Việt trong một số trường hợp. Cụ thể, một số lĩnh vực trong đời sống xã hội vay mượn ngôn ngữ ở cả tiếng Nga và tiếng Việt. Bài viết được thực hiện trên cơ sở tổng hợp các số liệu, dữ liệu, thông tin từ các tài liệu liên quan. Việc tìm hiểu và nghiên cứu vấn đề này có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất đáng quan tâm trong giảng dạy và học tập tiếng Nga, tiếng Việt, cũng như nhiều ngôn ngữ khác ở Việt Nam hiện nay.

*Từ khóa: biến đổi xã hội, biến đổi ngôn ngữ, từ vựng, tiếng Nga hiện đại, tiếng Việt*

**ĐẶC TRƯNG NGŨ ÂM TIẾNG BA NA Ở GIA LAI  
VÀ ỨNG DỤNG XÂY DỰNG BỘ DỮ LIỆU TỔNG HỢP LỜI NÓI**

**ThS. Nguyễn Trần Quý**

Khoa Việt Nam học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[tranquynghuyen2007@gmail.com](mailto:tranquynghuyen2007@gmail.com)

**TS. Nguyễn Huỳnh Lâm**

Khoa Việt Nam học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

, [nguyenhuynhlam@gmail.com](mailto:nguyenhuynhlam@gmail.com)

**TS. Đinh Lư Giang**

Bộ môn Ngữ Văn Tây Ban Nha, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

[lugiangdinh@gmail.com](mailto:lugiangdinh@gmail.com)

**PGS.TS. Quán Thành Thơ**

Khoa Khoa học máy tính, Trường ĐH Bách Khoa, ĐHQG-HCM

[qttho@hcmut.edu.vn](mailto:qttho@hcmut.edu.vn)

**Tóm tắt**

Với sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, các phương pháp tiếp cận bằng thông số, các mô hình thống kê giúp việc tổng hợp lời nói được chính xác và tự nhiên hơn. Nhờ vào đặc trưng của một ngôn ngữ thuộc họ Nam Á, nhóm Ba Na Trung, tiếng Ba Na có lợi thế về ngữ âm khi xây dựng kho ngữ liệu tổng hợp lời nói. Bởi lẽ, ngôn ngữ này không có thanh điệu. Bài báo này giới thiệu những nét chính của việc tổng hợp lời nói từ văn bản và có sự so sánh giữa các mô hình hiện có để nhằm đề nghị mô hình hiệu quả nhất. Dựa trên cơ sở ngữ âm học, hệ thống âm vị tiếng Ba Na Gia Lai được bao quát toàn diện và tiết kiệm khối lượng đầu vào cho việc tổng hợp lời nói. Hơn nữa, việc kiểm tra sản phẩm âm thanh nhân tạo bằng việc thẩm âm của người Ba Na khu vực tỉnh Gia Lai cho kết quả đáng tin cậy. Cần có thêm các công trình về ngữ âm tiếng Ba Na cho các phương ngữ với dữ liệu là các tệp âm thanh, nhờ đó sản phẩm từ việc tổng hợp lời nói tiếng Ba Na sẽ dần được hoàn thiện hơn.

*Từ khoá: tiếng Ba Na, ngữ âm, tổng hợp từ văn bản thành âm thanh lời nói*

**Abstract**

With the development of artificial intelligence, parametric approaches, and

statistical models, speech synthesis is more accurate and natural. Thanks to the characteristics of a language belonging to the Austroasiatic family, Bahnar Central group, Bahnar language has a phonetic advantage when building a corpus of speech synthesis. Because this language has no tones. This paper introduces the main features of speech-to-text synthesis and compares existing models to suggest the most effective model. Based on phonology, the Gia Lai Bahnar's phoneme system is comprehensively covered and saves input data for speech synthesis. Furthermore, the testing of artificial sound products by the Bahnar people in Gia Lai province gives reliable results. More works are needed on Ba Na phonetics for dialects with data as audio files, so that the products from Bahnar speech synthesis will gradually be improved.

*Keywords: Bahnar language, phonetics, Text-To-Speech (TTS) synthesizer*

COMBINATION OF EXPERIMENTAL PHONETICS AND ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN TEACHING VIETNAMESE PRONUNCIATION

**Dinh Lu Giang, PhD.**

University of Social Sciences and Humanities,  
Vietnam National University Ho Chi Minh City

[giangdl@hcmussh.edu.vn](mailto:giangdl@hcmussh.edu.vn)

**Abstract**

Teaching pronunciation of Vietnamese as a foreign language is never an old and outdated topic. This paper suggests how to apply Experimental Phonetics with the assistance of Artificial Intelligence to teaching Vietnamese pronunciation. Experimental Phonetics can be used not only in describing linguistic units, in investigating and analyzing learners' speech errors but also in building softwares/mobile apps to visualize learners' data on Vietnamese prosody and to provide related drills/exercises.

*Keywords: Experimental phonetics, Artificial Intelligence, Vietnamese Pronunciation, Vietnamese as a Foreign language*

**Tóm tắt**

Dạy phát âm tiếng Việt cho người nước ngoài không bao giờ là một đề tài cũ và lạc hậu. Bài nghiên cứu này đề xuất một số cách thức ứng dụng Ngữ âm học thực nghiệm với sự hỗ trợ của Trí tuệ nhân tạo vào việc dạy phát âm tiếng Việt. Ngữ âm học thực nghiệm không chỉ được sử dụng để mô tả các đơn vị ngôn ngữ, không chỉ khảo sát và phân tích lỗi phát âm lời nói mà còn được dùng để xây dựng các công cụ ứng dụng, phần mềm nhằm biểu diễn trực quan dữ liệu từ người học đối với tiết điệu tiếng Việt và cung cấp các dạng bài tập, luyện tập liên quan.

*Từ khoá: Ngữ âm học thực nghiệm, Trí tuệ nhân tạo, Phát âm tiếng Việt, Tiếng Việt như một ngoại ngữ*

## THE 6<sup>TH</sup> INTERNATIONAL CONFERENCE ON VIETNAMESE STUDIES

---

Mã QR và Link: <https://tinyurl.com/y4wjpwhw>

